

HỌC-VIỆN QUỐC-GIA HÀNH-CHÁNH

LUẬN-VĂN TỐT-NGHIỆP

Đào-Bục Hành-Chánh

SO SÁNH

CHẾ-ĐỘ KHU-BỘ TỰ-TRỊ MIỀN BẮC

và

CHÍNH-SÁCH HÒA-ĐỒNG DÂN-TỘC MIỀN NAM

THU VIỆN QUỐC-GIA
VIỆT-NAM
Số 0426

THU VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP
LVHC 426

Giáo-sư hướng-dẫn _____

ĐAO - QUANG - HUY

Tiến.Sĩ Luật.Khoa

_____ Sinh-viên đệ-trình

TRƯƠNG-VINH-QUANG

THÀNH KÍNH TRI ÂN

Giáo-sư Đào-Quang-Huy

TIẾN SĨ LUẬT KHOA

đã hướng dẫn chúng tôi biên soạn Luận văn này.

CHÂN THÀNH CẢM TẠ

- Ông Trương Phát Đoàn Việt-Nam
giao dịch với Ủy Hội Quốc Tế
- Ông Châm Chánh Văn Phòng
Bộ Phát Triển Súc-Tộc

đã giúp đỡ tài liệu trong việc hoàn thành luận văn này.

DÀN BÀI

CHƯƠNG DẪN NHẬP

TIẾT I : Tình-trạng đa-tạp về nhân-chủng của Quốc-Gia Việt-Nam.

MỤC I : Sơ lược về các sắc-tộc Thiểu-số tại Việt-Nam.

Đoạn I : Các sắc-tộc miền Nam.

Đoạn II : Người Chăm.

Đoạn III: Các sắc-tộc miền Bắc.

MỤC II : Tổ-chức xã-hội, sinh hoạt và phong tục tập quán của đồng bào các sắc-tộc Thiểu số.

Đoạn I : Thành-phần tổ-chức xã-hội.

Đoạn II : Sinh hoạt văn-hoá và Tín-ngưỡng.

Đoạn III : Sinh hoạt kinh-tế.

TIẾT II : Hạ tầng đồng nguyên của các sắc-tộc hiện sinh sống tại Việt-Nam.

MỤC I : Phương-tiện Sinh-lý.

MỤC II : Phương-tiện Sinh-hoạt, Tổ-chức xã-hội và Phong-tục tập quán.

TIẾT III : Vấn-đề Hoà-đồng các sắc dân trong một Quốc-Gia.

MỤC I : Vấn-đề chung của nhiều Quốc-gia

MỤC II : Vấn-đề riêng của Quốc-Gia Việt-Nam.

CHƯƠNG I : Các phương-thức giải-quyết vấn-đề Hoà-đồng Dân-tộc.

TIẾT I : Tại một vài Quốc-gia Á-Châu.

- I- Trung-Hoa Quốc-Gia
- II- Mã-Lai-Á
- III- Miến-Điện

TIẾT II : Tại Việt-Nam.

MỤC I : Sơ lược về các chính-sách Thượng-vụ trong quá-trình lịch-sử tại Việt-Nam.

Đoạn I : Chính-sách Thượng vụ dưới các Triều-đại Quân-Chu.

Đoạn II : Chính sách Thượng-vụ dưới thời Pháp thuộc.

Đoạn III : Chính-phủ Ngô-Đình-Diệm với chính-sách "Dân-Tộc-Hoá"

MỤC II : Hiện-trạng về các giải-pháp Thượng-vụ hiện đang áp dụng tại Việt-Nam.

Đoạn I : Chính-sách "Dân-tộc Hoà-đồng Đồng tiến" của miền Nam.

Đoạn II : Chế-độ "Khu Bộ Tự-Tri" tại miền Bắc.

CHƯƠNG II : So sánh hai giải-pháp Thượng-vụ hiện đang áp dụng tại Việt-Nam.

MỤC I : Những ưu điểm.

MỤC II : Những nhược điểm.

PHẦN TỔNG LUẬN : Thủ-đề-nghị một giải-pháp để giải-quyết vấn-đề Hoà-đồng Dân-Tộc tại Việt-Nam.

MỤC I : Vài ý-kiến về chính-sách Thượng-vụ hiện tại.

MỤC II : Đường hướng công tác Phát-Triển Sắc-tộc và Xây-dựng Cao-Nguyên.

CHƯƠNG DẪN NHẬP

THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

TIẾT I : TÌNH-TRẠNG ĐA-TẠP VỀ NHÂN-CHUNG CỦA QUỐC-GIA VIỆT-NAM.

Lãnh-thổ Việt-Nam được coi như là một địa-bàn thuận-lợi để nhiều giống dân khác nhau về chủng-tộc đồng cư trú. Về địa-thế, đây là ngã ba đường nơi gặp gỡ của mọi trào-lưu tư-tưởng của nhân-loại (Âu-Châu và Trung-Hoa Ấn-Độ) ; về khí-hậu Việt-Nam nằm trên khu-vực giao tiếp của hai đại-dương lớn nhất hoàn-cầu là Thái-Bình-Dương và Ấn-Độ-Dương ; từ Bắc xuống Nam Việt-Nam hầu như có đầy đủ mô-dạng của các loại khí-hậu. Với những yếu-tố thiên-văn kể trên, lãnh-thổ Việt-Nam được coi là một quốc-gia có nhiều điều-kiện phù hợp để nhiều giống dân khác nhau về chủng-tộc lựa chọn làm lãnh địa cư trú. Cư dân trên lãnh-thổ Việt-Nam có tính-cách đa tạp rõ-rệt. Dân số toàn quốc trên 88 triệu, trong đó có chừng 3.500.000 người Thiểu số. Các sắc tộc Thiểu số chia làm nhiều sắc dân, mỗi sắc dân lại có nhiều Bộ lạc nhỏ. Thông thường người ta phân biệt đồng bào Thượng tức là đồng bào Thiểu số sinh sống tại Cao-Nguyên miền Nam ; đồng bào Thượng du Bắc-Việt là những sắc tộc Thiểu số sinh sống tại Cao-nguyên miền Bắc và đồng bào Chăm, một sắc tộc Thiểu số sinh sống tại vùng Duyên-hải Trung-phần và đồng bào Nam-phần. Tuy nhiên, các sắc tộc Thiểu số tại Cao-nguyên miền Nam hay miền Bắc không phải là những sắc-tộc đơn thuần mà còn chia ra nhiều sắc dân, nhiều chi-phái khác nhau từ ngôn-ngữ đến tập quán.

MỤC I : SƠ LƯỢC VỀ CÁC SẮC TỘC THIỂU SỐ TẠI VIỆT-NAM.

Tại miền Nam Việt-Nam, các sắc-tộc Thiểu số thuộc hai nhóm chủng-tộc Môn-Khmer và Malayo-Polynésien gồm trên 60 bộ tộc lớn, nhỏ từ sinh-hoạt đến tập quán đều có đôi chút khác nhau. Sắp xếp lại để có những sắc-tộc tiêu-biểu nhất từ phong-tục, tập-quán, ngôn-ngữ, y-phục và cách-thức sinh-hoạt đều có những điểm đặc-thù, chúng ta có được 23 sắc tộc chính kể cả người Chăm. Đại cương như sau :

I. - Các Sắc-tộc miền Nam.

A. - Nhóm Môn-Khmer.

Được xếp vào nhóm này những sắc-tộc nói tiếng Môn-Khmer, ngôn-ngữ của các Thổ dân ở Miền-Điện, Mă-Lai và Khmer dùng. Các sắc-tộc Thiểu-số miền Nam sử dụng loại tiếng này là :

- Sắc-tộc Bahnar : dân số 96.900 người gồm chung các Bộ-tộc : Bahnar chính tông, Bonam, Hruì, Jông, Konko, Krem, Rôh, Tolo, Mônam, Róngao, Alakong. Sắc tộc này sống trên địa phận tỉnh Bình-Định, Nam Kontum, Đông Fleiku và Đông-Bắc Phú-Bổn.

Người Bahnar nhanh nhẹn, thông-minh và cởi mở, có tinh-thần tập-thể và không theo chế độ mẫu hệ.

- Sắc-tộc Stiêng : dân số 41.800 người gồm có Bộ-tộc Stiêng và Ray. Người Stiêng ở dọc theo ranh giới Miền-Việt từ Tây-Nam Quảng-Đức, Tỉnh Phước-Long cho tới Bình-Long, Long-Khánh, Bình-Tuy, Phước-Tuy, một số nhỏ đã tiến-bộ sinh sống ở Tây-Ninh, Biên-Hoà, Thủ-Dầu-Một.

Người Stiêng nhanh nhẹn, ưa săn bắn, đánh cá, bày thú, tính tình nóng nảy, hiếu khách nhưng cũng hiếu chiến. Vì ở gần và thường tiếp xúc với người Miên nên có nhiều tập-quán giống người Miên.

- Sắc tộc Kaho : dân số 30.680 người gồm các Bộ-tộc Kaho, Nop, Do. Trung-tâm cư-trú của Sắc-tộc này tại tỉnh Tuyên-Đức, Lâm-Đông, một số nhỏ tại Ninh-Bình-Thuận, Bình-Tuy.

Người Kaho phần lớn sống cố định, nóng nảy nhưng chất phác, hiếu khách, tinh-thần đoàn-kết cao.

- Sắc tộc Chroo : còn có tên là Chrau Iro, cũng gọi là Ro gồm các bộ-tộc Iro, Mru, Butwa, Bà-Giêng, Chalah... dân số chừng 15.000 người ở rải rác tại các tỉnh Long-Khánh, Bình-Tuy, Phước-Tuy và Biên-Hoà, sắc tộc này có nhiều tập quán liên-hệ mật thiết với người kaho.

- Sắc-tộc M'Nong : dân số 35.270 gồm người M'Nong chính tông, Nong, Budong, Gar, Freh, Rlan, Người M'Nong, sống trong vùng ba biên-giới tại Quảng-Đức, phía Nam Darlac, Bắc Phước-Long và Tây Lâm-Đông.

Tính tình nóng nảy hiếu-chiến. Đầu thế-kỷ 20, Sắc-tộc này được

người Pháp mô tả là một giống người dừ tợn.

- Sắc tộc Facoh : dân số 33.080 người, sắc tộc này sinh sống tại vùng Thượng-Du Quảng-Tri, Thừa-Thiên và cả trong phần đất Bắc vĩ-tuyến 17. Tại Bắc-Việt có 5.500 người Facoh. Danh xưng Facoh mới được phổ thông, trước đây sắc-tộc này vẫn được gọi là Vân-kiều mà hiện nay nhiều nơi vẫn sử-dụng. Sắc tộc Facoh bao gồm cả bộ-tộc : Facoh, Vân-kiều, Bru, Teu hay Tòi Oi. Trong các Bộ tộc liên hệ người Bru có nhiều sắc thái cá biệt về tập-quán nên có khuynh-hướng cho rằng cần để riêng.

- Sắc-tộc Hré : dân số 31.440 người cư ngụ tại các quận Minh-Long, Ba-Tơ phía Nam Quảng-Ngai. Sắc tộc Hré gồm chung cả Bộ-tộc Kré hoặc Khét.

- Sắc tộc Qua : dân số 28.175 người, cư ngụ tại Sơn-Hà, Trà-Bông, phía Bắc Quảng-Ngai gồm chung cả người Bá-Vách.

- Sắc tộc Sédang : dân số 25.090 người cư ngụ rải rác trên thung lũng của núi Ngọc-Linh. Từ phía Nam Quận Dakto đến Đông-Bắc Kontum chi-phái nhỏ cũng thuộc về Sắc-tộc này là Bộ tộc Strieng.

- Sắc tộc K'Tu : dân số 22.530 người gồm chung người K'Tu chính tông, Kha, We ở rải rác từ phía Nam Thừa-Thiên xuống tới Quảng-Tín, một số ít ở địa phận phía Bắc Kontum.

- Sắc tộc Cill : dân số 17.840 người phần lớn cư ngụ trên những sườn núi cao tại Tuyên-Dức, Lâm-Lông. Người Cill cũng nói một thứ tiếng với người Koho nên có người cho rằng người Cill là một chi-phái của người Koho. Tuy nhiên đặc điểm của Sắc tộc Cill là ở trên triền núi cao, du-canh du-cư hoàn toàn và cũng có một số tập quán khác hẳn với người Koho.

- Sắc tộc Halang : ở về phía Tây Kontum, là một sắc-tộc phần lớn cư ngụ trên đất Lào, Tại Việt-Nam kể cả bộ-tộc Kyong, một chi phái của Sắc-tộc này chỉ có gần 10.000 người cư ngụ ở phía Nam tỉnh Kontum. Tiếng nói gần giống người Dié và phong-tục cũng chịu ảnh hưởng của người Bahnar.

- Sắc tộc Dié : dân số 13.050 người, gồm các bộ-tộc Dié, Doan, Kyong cư-ngụ ở phía Bắc tỉnh Kontum.

- Sắc-tộc Maa : dân số 12.800 người, sinh sống rải rác tại các tỉnh Quảng-Đức, Tuyên-Đức, Long-Khánh, đông nhất tại Lâm-Đồng và một số nhỏ tại Bình-Thuận, Bình-Long.

Sắc-tộc Maa còn có tên là "Cà rãng, Cãng tai". Theo tập quán, người Maa thường cà rãng sát nước và cãng lờ tai thật rộng. Khu-vực Đông-Nai Thượng trước kia là Tiểu-quốc của người Maa. Tiểu quốc này mở dân trên đường Nam-tiến của người Việt. Người Maa mạnh khỏe, hiếu chiến, nóng nảy, do đó các Bộ-tộc lân cận đã có tục ngữ "chớ gây chuyện với dân Maa".

B. - Nhóm MALAYO-POLYNÉSIEN.

Tiếng nói Malayo-Polynésien được dùng trong một diện tích rộng lớn từ đảo Fâques ở Thái-bình-Dương đến Madagascar gồm cả Nam-Dương Quan-Đảo, Đài-Loan. Các sắc-tộc Thượng miền Nam sử-dụng ngôn-ngữ này gồm có :

- Sắc-tộc Jarai : Dân số 150.000 người gồm các chi-phái Jarai chính tông, Arap, Hdrung, Tóbuai cư ngụ tại Pleiku, Phú-Bôn, một số nhỏ tại phía Tây-Nam Kontum. Tính tình cởi mở, chất phác, nhưng dễ nổi nóng. Sắc tộc Jarai là con dân của Hoá-Ka một Phiên-Vương đã được Triều-đình Việt-Nam tấn-phong.

- Sắc-tộc Khadé : Dân số 94.500 người gồm người Khadé chính tông và các Sắc-tộc Tring, Adham, Elié, Rué, Edé, Krung. Trung-tâm điểm của Sắc-tộc này là Darlac, một số ít ở các tỉnh Phú-Yên, Quảng-Đức, Khánh-Hòa.

Người Khadé và Jarai hầu như cùng nói chung một thứ tiếng. Tục truyền người Khadé là con dân của Thủy xá cũng là một Phiên-Vương của Triều-đình Việt-Nam. Bản chất người Khadé hiền lành, thông-minh và chịu khó.

- Sắc tộc Chăm : Theo một số học giả người Chăm tại Vân-Canh, Bình-Định (dân số 6.280 người) là một chi phái người Chăm cổ nhưng đã đồng hoá nhiều với người Bahnar về phong-tục tập quán nên có tên là Bahnar-Chăm. Tuy nhiên, về ngôn-ngữ vẫn giữ phần lớn tiếng Chăm và người Chăm cũng có thể hiểu được tiếng nói của Bộ-tộc này khi đàm thoại.

- Sắc-tộc Raglai : Dân số gồm 881.030 người, còn có tên là Raglai hay Roglai, ở tại Khánh-Hòa, Cam-Ranh, Ninh-Thuận, Bình-Thuận và một số nhỏ tại Tuyên-Đức và Bình-Tuy. Luôn luôn lạc quan, hiếu-khách, thích nói chuyện và ưa ca nhạc.

- Sắc tộc Hroi : Gồm cả Bộ-tộc M¹Thur hay M¹dhur, dân số chừng 25.035 người tại Phú-Yên, Phú-Bồn và chừng 2.280 người ở Darlac, chịu nhiều ảnh hưởng của hai sắc-tộc Jarai và Rhadé.

- Sắc tộc Churu : Dân số 5.560 người, trung-tâm của sắc-tộc này là Quận Đồn-Dương, tỉnh Tuyên-Đức, một số nhỏ trên 500 người ở tại Ninh-Thuận, chịu ảnh hưởng của người Koho và Raglai.

- Sắc-tộc Bih : Dân số 5.215 người, cư ngụ gần Trung-tâm Ban-mê-Thuột, tiếng nói và phong-tục giống người Rhadé chỉ khác sắc-tộc Rhadé ở một vài phương-thức sinh-hoạt và một vài đặc điểm về trang sức. Cũng vì có nhiều sự tương đồng giữa hai sắc-tộc Rhadé và Bih nên đến nay chưa ai dám quả quyết Sắc-tộc Bih là một Sắc-tộc riêng hay chỉ là một chi phái của Rhadé.

- Sắc tộc K¹Tul : Dân số chừng 20.000 người, cư ngụ trong Quận Buôn-Hồ và Khánh-Dương. Sắc tộc này cũng như sắc tộc Bih có những phong-tục tiếng nói gần giống người Rhadé, tuy nhiên có một vài đặc-điểm về phục sức và sinh hoạt.

II. NGƯỜI CHÀM.

Người Chăm cũng sử-dụng ngôn-ngữ thuộc nhóm Malayo-Polynésien. Dân số sắc-tộc này có trên 70.000 người, cư ngụ tại Ninh-Bình-Thuận, xã An-Phú Quận Châu-Phú tỉnh Châu-Độc và một số nhỏ tại Tây-Ninh, Bình-Tuy và Bình-Long. Người Chăm đã có một thời gian độc lập trong lịch sử, có một nền văn-minh tiên-bộ không thua kém người Kinh. Ngoài ra đồng-bào Chăm đều theo Hồi giáo, có một tổ-chức sinh-hoạt xã-hội dựa trên tôn ti trật tự của đạo giáo và liên-hệ mật thiết với nhiều quốc gia theo Hồi-giáo trên thế giới.

III. SẮC TỘC THIỂU SỐ MIỀN BẮC.

Đồng bào Thiểu-số miền Bắc gồm các sắc-tộc Tày, Nùng, Thái, Mường, Mèo, Mán, Sán-Dìu, Cao-Lan, Xá, Nhắng, Sán-Chi, Lolo, U-Ni...

dân số có trên 2.200.000 người. Các sắc-tộc Thiều-số miền Bắc có thể kể chung vào nhóm Thái, là một vài chi phái trong giòng Bách-Việt từ bên Trung-Quốc di cư sang Bắc-Việt theo triền sông Hồng-Hà, qua Lào và Thái-Lan bằng ngã sông Cửu-Long và Mê-Nam.

Những đoàn di dân Bách-Việt tùy theo thời gian thiên cư và sở thích của từng Bộ tộc đã chiếm cứ những cao-độ của vùng Thượng-du Bắc-Việt và chính những cao-độ đã phân loại rõ ràng trình-độ văn-minh của từng Sắc-tộc.

Các sắc-tộc Thái sau nhiều năm tiếp xúc với Trung-Hoa và giòng Lạc-Việt, theo đà tiến hoá, ít nhiều đã có những pha trộn tử huyết hệ đến tập-quán, ngôn-ngữ. Bởi vậy, giòng Thái được tạm phân chia thành các sắc tộc chính như sau :

NGƯỜI NÙNG : gồm 3 chi phái chính :

- Người Nùng ở Hải-Ninh, Móng Cày là chi phái tương đối mới địa phương hoá, hoàn toàn chịu ảnh hưởng của người Trung-Hoa từ tập-quán đến y phục, sinh-hoạt, ngôn-ngữ sử-dụng thổ ngữ Quảng-Đông.

- Người Nùng ở Cao-Bằng, Lạng-Sơn thường mặc áo ngắn, nói tiếng Tây (gốc Thái), gốc người Quảng-Tây đã địa phương hoá lâu đời và chịu ảnh hưởng của người bản địa là người Tây.

- Người Nùng vùng Hà-Giang được pha trộn bởi giòng Thái và người Vân-Nam, sử-dụng tiếng Quan-Thoại (giọng Vân-Nam).

Ngoài ra, còn có những bộ tộc nhỏ khác là Nùng, Phạn-Sinh, Xạ-Phang, Nhắng, Yao, Lolo, Xá v.v...

NGƯỜI THÁI : (đọc đúng âm là Thay) có nghĩa là "Người Tự-Do". Người Thái bên tả ngạn sông Hồng-Hà được gọi là người "Tây" ta quen gọi là "Thổ" ; bên hữu ngạn sông Hồng danh xưng là "Thay", ta quen gọi là người Thái. "Thay" hay "Tây" đều là cách phát âm trại ra mà thôi. Sự lầm lẫn lâu ngày thành một sự phân định khó phân và ngày nay ta phải chấp nhận sự phân định sắc-tộc Thái chia hai là "Thay" và "Tây".

- Người "Thay" hay "Thái" bên hữu ngạn sông Hồng lại chia thành 3 chi phái chính :

- Thầy Đám hay Thái đen ở Mường-Là
- Thầy Klao hay Thái trắng ở Mường-Lai
- Thầy Đeng hay Thái Đỏ ở Hối-Xuân, Thanh-Hoá.

Sự phân chia vừa kể căn cứ vào màu sắc y-phục của phụ-nữ bản-địa thường dùng.

- Người "Tày" ta vẫn quen gọi là người "Thổ" việc gọi tên này là một sự sai lầm to lớn. Chữ "Thổ" có nghĩa là bản-địa. Chữ "Thổ" không có nghĩa xấu, nhưng cách sử-dụng đã mang nghĩa không tốt đẹp bao hàm ý miệt thị ở trong, nên đã gây bất mãn cho đồng bào. Bởi vậy, ta cần chính danh cho sắc-tộc này là sắc tộc Tày và huỷ bỏ danh từ "Thổ".

Người Tày cũng chia làm nhiều nhóm :

- Nhóm người Tày ở Cao-Bằng, Lạng-Sơn,
- Nhóm khác tại Bắc-Cạn, Thái-Nguyên, Tuyên-Quang, Yên-Báy, Hà-Giang.

Giữa các nhóm này có đôi chút dị biệt về tập quán và sinh-hoạt, nhất là về giọng nói.

NGƯỜI MƯỜNG : ở nhiều nhất tại Hối-Xuân, Thanh-Hoá. Có thuyết cho rằng người Mường là người Việt nguyên-thủy, thổ ngữ Mường có đến 90 0/0 giống tiếng "Mường" nghĩa là "Tỉnh Thành". Người "Mường" tức là người dân Tỉnh Thành, trái với "Bản" là dân quê, dân làng.

Các sắc tộc khác như Mán, Mèo, Sán-dìu, Cao-Lan, U-Ní v.v.. là những sắc-tộc nhỏ. Trình-độ văn-minh được coi là thấp kém và thường cư ngụ trên những chòm núi có cao độ từ 600 đến 1.200 m trở lên.

Cuộc di cư vĩ đại năm 1954 đã đưa vào miền Nam một số đồng-bào Thiểu-số Bắc-Việt. Theo thống kê năm 1969 của Bộ Phát-Triển Sắc-Tộc thì dân số Thiểu số miền Bắc di cư gồm có 70.423 người chia ra như sau :

- Mán	1.016 người	- Mường	3.324 người
- Mèo	37 -	- Nhắng	227 -
- Nùng	55.078 -	- Thái	2.302 -
- Thổ	8.272 -		

Các sắc-tộc này định cư tại Cam-Ranh, Bình-Thuận, Darlac, Tuyên-Đức, Lâm-Đông, Long-Khánh, Bình-Tuy, Saigon, Gia-Định, Biên-Hoà, và Kiên-Giang.

MỤC II: TỔ CHỨC XÃ-HỘI, SINH-HOẠT VÀ PHONG-TỤC TẬP QUÁN CỦA ĐỒNG BÀO CÁC SẮC-TỘC THIỂU SỐ.

Công-tác thiết-lập một chính-sách thoả đáng cho đồng bào các sắc tộc thiểu-số, việc tìm hiểu về tổ-chức xã-hội, sinh-hoạt và phong-tục tập-quán của đồng bào các sắc tộc thiểu số thật là quan trọng. Đời sống của họ liên-hệ mật-thiết đến các thần-linh cũng như lệ-thuộc vào phong-tục tập quán cá biệt của từng sắc dân.

I. - THÀNH PHẦN VÀ TỔ CHỨC XÃ-HỘI

Tại những vùng thượng-du miền Bắc, người ta thường hay nói đến những vị Thủ-trưởng, Chúa Vùng coi như những tiểu-vương đối với giòng-sơ nhỏ và những vị Pháp sư đầy uy-quyền thần thánh. Tại Cao-nguyên miền Nam không có những nhân vật trên, nhưng có "Vua Lửa, Vua Nước" của người Djarai có uy-tín với cả sắc dân, "Cà Rá" của người Hré, Rhé có uy-tín trong phạm vi từng vùng, còn ở những nơi khác, những "xuất vin" (Giòng Teu hay Fakoh), "Phó Ban, Chúa Làng, Chủ Làng" (Giòng Khadé, Kcho, Bahnar, Sédang...) "Cả Xếp" (giòng Stieng) v.v... chỉ là những đại diện của dân làng, có uy-tín trong một vài ấp hay trong một vùng nhỏ mà thôi.

"Cà Rá" của người Hré, Rhé, Dió v.v... không có uy-tín đối với toàn thể các sắc dân như trường hợp "Vua Lửa, Vua Nước". Nhưng mỗi Cà Rá cũng có ảnh hưởng trong một vùng rộng, hẹp tùy theo sự giao dịch của họ. Trong phạm vi ảnh hưởng của mỗi Cà Rá còn có Chủ Làng, Xuất Vin.

Giai cấp cao nhất trong xã-hội Thượng, ngoại trừ Xuất Vin của giòng Teu là được "Cha truyền Con nối" còn lại, kể cả "Hoả xá và Thủy xá" người kế vị thường được bầu lên hoặc do Thần-linh ứng nghiệm. Các vị Phó ban, Chúa Vùng, Chúa Làng của những bộ-lạc khác như Bahnar, Sédang là những người giàu có nhất trong làng, trong vùng được đồng bào kính nể vì đã cho họ nhờ vả.

Sau giai cấp Chúa Vàng, Chủ Làng là những Bồ Lão, Tộc-trưởng, tất các Thầy Pháp được gọi là "Thầy Mo, Dồi dàu, Thầy Cúng, Bà Bồng"... tùy theo từng địa-phương.

II. - SINH-HOẠT VĂN HOÁ VÀ TÍN-NGƯỞNG.

a)- Phương-diện Văn-hoá.

Học giả Pháp, F. Guilleminet đã cố gắng phân loại trình-độ văn-minh của xã-hội Thượng và đã ghi chú 5 trình-độ văn-hoá sau :

- Những đồng bào Thượng sống riêng biệt ở những nơi hẻo lánh ít có dịp giao-dịch với các vùng đồng-bằng. Những bộ-lạc này thì đời sống rất lạc hậu thô sơ vẫn giữ nguyên nhiều cổ tục của họ. Thí dụ : Bộ lạc Katu ở Quảng-Nam.

- Những bộ lạc không đủ khả-năng chống lại công cuộc xâm-lãng của các bộ-lạc ở gần họ, phải sống tản mác tại những nơi thâm sơn, đất xấu, những bộ-lạc này đời sống rất khổ sở có thể bị tuyệt chủng. Đó là các bộ-lạc Gil, Lat ở Tuyên-Đức và Die ở Kontum.

- Những bộ-lạc tương-đối còn khá mạnh để tự tồn, không đến nỗi bị hoạn diệt vong. Đó là các bộ-lạc Ma (Đi-Linh) và Stieng (Biên-Hoà).

- Những bộ-lạc đã giao-dịch nhiều với các dân tộc mạnh hơn, văn-minh hơn như người Lào, Việt nên chịu nhiều ảnh hưởng của người Lào và Việt, như các bộ lạc Hré (Quảng-Ngai) Sedang -Kontum).

- 3 bộ lạc lớn Rhadé, Jarai, Bahnar đã theo kịp trình-độ văn-minh của các quốc-gia Lào, Việt và số lượng cũng rất đông nên mạnh hơn các bộ-lạc khác.

Vì không có văn tự nên nền văn-hoá mặc dầu các bộ-lạc đã sinh sống lâu đời vẫn không có gì tồn tại ngoại trừ một số ít tục-ngữ truyền khẩu và các tục lệ.

b)- Phương-tiện Tín-Ngưỡng.

Đồng bào Thượng theo thuyết đa thần, cũng có một số ít là tín-đồ Phật-giáo, Công-giáo và Tin Lành. Theo tín-ngưỡng của đồng bào Thượng thì chỉ có Thần-linh mới đem tới hạnh-phúc ấm no cho đời sống của họ ;

ví vậy họ tin có Thần Trời, Thần Lửa, Thần Đất, Thần Núi... Do sự tin tưởng trên người Thượng có rất nhiều những cuộc tế lễ hằng năm.

Người Jarai cho đến bây giờ vẫn còn tin tưởng đến các vị Vua Lửa và Vua Nước, hiện nay ông Vua Lửa Stu Anhot vẫn còn sống và ngụ tại Plei Đap thuộc quận Phú-Thiện, Phú-Bôn. Hai vị này có quyền lực bao trùm trên các vị tù-trưởng và tất cả các bộ-lạc đều phải tuân phục. Người Jarai cũng như Ehadé thường thực hành những tín-ngưỡng có tính-cách cá-nhân và riêng rẽ, nghĩa là mỗi người tự ý quan-niệm lấy vị thần linh mà mình muốn thờ.

Người Thượng nói chung đều tin có TRỜI (ADEI) và họ rất kỵ kếu đến tên Trời, vì họ cho là phạm thượng và muốn khỏi cho bị tai hoạ thì phải cúng trâu, heo, gà, dê thì mới được tha tội. Tính cách sơ khai và hồn-nhiên của đồng bào Thượng được biểu hiện rõ rệt qua sự tin tưởng ở mỗi vật đều có một linh-hồn... Thật chẳng đây là điểm tương-đồng nói lên sự liên hệ Kinh, Thượng vì đời sống tâm linh này cũng là những nét đặc thù của thôn dân tại vùng đồng-bằng như các thổ thần, thủy thần... Điển hình là tục lệ phong thần cho các làng mạc dưới thời quân-chủ xa xưa cho một số làng xa ngoài Bắc và Trung-phần. Ngoài ra người Thượng cũng còn tin con người có linh-hồn mà họ gọi là "Bón Gat". Họ cho rằng sau khi chết thì linh-hồn con người ta sẽ đến một nơi gọi là "Dék Atau" (xứ của ma).

III. - SINH-HOẠT KINH-TẾ.

Đồng bào Thượng sống một đời sống du-canh nhàn hạ, nhu-cầu sinh sống của người Thượng rất giản dị. Đa số người dân chỉ cần nắm cơm với ít muối để đủ sống quanh năm mà không cần đến những tiện-nghi vật-chất khác. Hồn kinh-tế có tính cách tự túc và thực hiện việc mua bán dưới hình thức đổi chác. Người Jarai không thích tiền giấy mà họ quan-niệm như là vật biết bay, "nư nong than por" như vậy dễ mất và hết.

Nghề sinh sống chính của đồng bào Thượng là "đốt rừng làm rẫy". Họ nổi lửa đốt rừng, sau đó dùng những vật-dụng thô sơ để "chọc lỗ gieo hạt" rồi chờ ngày gặt hái. Trong suốt vụ mùa, công việc của họ là nằm

chơi canh giữ thú rừng tàn phá rầy. Sau đó họ đi săn bắn hoặc tìm kiếm làm sản để đổi chác lấy một vài vật dụng cần-thiết như muối, vải, thuốc men...

Một số ít đồng-bào Thượng sinh sống với tiểu-công-nghệ như dệt vải, đan tre... Sau vài tháng đốt rừng làm rầy, đồng bào Thượng khi rảnh rỗi lại xoay quanh các cuộc lễ, Tết, đình đám, cúng bái, uống rượu cần? Khi đã thu gặt hoa màu, họ định cư nếu đất đai còn tốt hoặc đi đến một nơi khác đốt rừng làm rầy tiếp tục đời sống du canh. Về lĩnh vực này quyền sở hữu đất đai do Tục-lệ pháp chi phối từ ngàn xưa. Tùy theo từng bộ-lạc, công việc coi sóc đất đai được giao-phó cho các vị Boraok, Kourany, Fo-u hay Polan. Những vị này được coi như những chủ đất nhưng thực ra lại không phải là sở hữu chủ của đất đai. Họ chỉ là những người hiểu biết rõ về phong-tục, hoặc là những người chiếm hữu đầu tiên, họ hiện diện để trông nom, cố-vấn và xem xét tổ-chức, lịch trình ngày tháng để cầu mưa cho những vụ mùa sắp đến, khấn vái YANG cho lúa mọc tươi tốt...

Ngoài ra người Thượng cũng chăn nuôi gia-súc như trâu, bò, heo, gà... Gia súc này thường nuôi để cúng tế và cũng là mức đo giá trị sự giàu có..

TUỆT II. - HẠ TẦNG ĐỒNG NGUYÊN CỦA CÁC SẮC-TỘC HIỆN SINH SỐNG TẠI VIỆT-NAM.

Dân số Việt-Nam, ngoài khối dân-tộc đa số còn có những dân-tộc Thiếu-số. Qua những truyền thuyết lưu truyền tại miền đồng bằng hay các vùng Thượng-địa, Cao-nguyên hàm ý chứng tỏ con dân các sắc tộc đều có chung một tổ-tiên như truyền thuyết Động-Đình-Hồ tại miền đồng-bằng hay các truyện cổ-tích trên miền Thượng. Chúng ta còn tìm thấy những tương đồng quan thiết giữa các sắc-dân hiện đang sinh sống tại Việt-Nam.

MỤC I : PHƯƠNG-DIỆN SINH-LÝ

Các nhà nhân-chủng học khảo sát về các sắc-dân tại Việt-Nam đã đưa ra một số đặc điểm nói lên sự liên hệ về chủng-tộc của các sắc dân.

- ĐỘ CAO.

Người Việt-Nam không cao lắm. Độ cao trung bình trong toàn quốc là 1^m585. Nếu phân biệt từng miền ta thấy người miền Bắc bằng-đồi cao nhất trong 3 miền độ cao trung-bình 1^m595, miền Trung 1^m566, miền Nam 1^m567. Về các sắc-dân Thiểu số thì độ cao trung bình của người Chăm là 1^m57, người Thượng ở cao-nguyên miền Nam 1^m58.

- CHỈ SỐ SỌ.

Người Việt-Nam và các sắc-dân Thiểu-số đều có một chỉ số sọ thuộc loại sọ ngắn. Chỉ số sọ của người Việt-Nam là 82, người Chăm 82, 3, người Khadé 74, 8, người Mường 77, 5, người Koko 79, 8, người Srê 78, 6.

- TÓC.

Đa số tóc của người Việt-Nam và các sắc-dân Thiểu số đều màu đen khá mượt nhưng cũng có một số ít khác tóc hơi gợn sóng. Tổng số người tóc quăn của người Việt là 32, 5 o/o và Chăm thì lên tới 55 o/o.

- MẮT.

Mắt người Việt giống mắt người Mông-Cổ nghĩa là mắt xếch và mí có rãnh mà người ta thường gọi là mắt 2 mí để phân biệt với mí không có rãnh là mắt một mí.

Người Việt có đến 56 o/o mắt có 2 mí rõ, 22 o/o có 2 mí mờ và 22 o/o có một mí. Người Chăm có 14 o/o có 2 mí rõ, 27 o/o có 2 mí mờ, 40,2 o/o có 1 mí ; người Thượng miền Nam 20 o/o có 2 mí rõ, 13,4 o/o có 2 mí mờ và 66,6 o/o có 1 mí.

- MÙI.

Mũi người Việt có chỉ số trung bình là 75, 8 thuộc loại mũi trung. Mũi người Chăm có chỉ số trung bình là 73, 8 và người Thượng miền Nam là 78, 5.

- CHỈ SỐ MẶT.

Người Việt và tất cả các sắc dân Thiểu số đều có chỉ số mặt thuộc loại trung bình. Chỉ số mặt của người Việt là 83, 7, người Chăm 87, 4 và người Thượng miền Nam 84, 8.

- NGÔN-NGỮ.

Xét về phương diện ngôn-ngữ thì tiếng Việt thuộc loại đơn âm, có sự biến âm từ 3 đến 5 bậc cho mỗi âm (phân biệt bằng các dấu) như tiếng Mường, Chăm, Rhadé, Jarai. Tiếng Việt còn có nhiều chữ giống tiếng Mường.

MỤC II : PHƯƠNG-DIỆN SINH-HOẠT, TỔ-CHỨC XÃ-HỘI VÀ PHONG-TỤC TẬP QUÁN.

Đứng trên phương-diện phong-tục tập-quán hay những sinh-hoạt và tổ-chức mà các sắc dân đều áp dụng tương tự. Chúng ta có thể nêu lên một cách sơ lược như sau.

I. - THÀNH-PHẦN VÀ TỔ-CHỨC XÃ-HỘI.

Tại những vùng Thượng-du miền Bắc, Chúa Vùng hay Tủ-Trưởng được coi như những tiểu-vương đối với một giang-sơn nhỏ. Tại Cao-nguyên miền Nam có Vua Lửa, Vua Nước của người Jarai có uy-tín với cả các sắc dân, Cà Rá của người Hré, Rhé ; Xuất-Vin của giòng Teu hay Fakoh... là những đại diện của dân làng có uy-tín trong một vài ấp hay một vùng nhỏ. Những vị này là hình ảnh của những Hương-Quán, Lý-Trưởng của dân quê miền xuôi ngày trước, giữ vai trò liên-lạc giữa chính-quyền và dân-chúng. Cà Rá hay Xuất-Vin... có thể so sánh với các vị Hương Cả, Chánh Tổng miền xuôi.

Sau giai cấp Chúa Vùng, Chủ Làng là những Bô Lão, Tộc-trưởng rồi tới các Thầy Pháp chuyên lo việc tế tự. Những vị này cũng đóng vai trò tương tự như những Tiên Chi, Hương Cả, Hương Chủ, Tộc Biểu miền xuôi. Các Thầy Pháp cũng không khác các Thầy Cúng, Thầy Pháp hiện còn tồn-tại ở miền quê vùng xuôi.

MỤC II : TỔ-CHỨC BUÔN ẤP - GIA-ĐÌNH. CÁC ĐỒ DÙNG, TÀI-SẢN CHÍNH.

Tại những Buôn của người Sédang, Bahnar, Halang, Djarai, Dié v.v... có một ngôi nhà được kiến-trúc đẹp đẽ, cao, to hơn những nhà thường,

được gọi là nhà Làng, nhà Rông, Sang-Rung v.v... dùng làm nơi tiếp khách, nơi tập-trung của trai chưa vợ và là nơi quy-tụ của nhiều sự kiêng cử. Nhiều nơi như vùng Djarai, Bahnar... người phụ-nữ không bao giờ được phép đặt chân vào nhà Làng, nhưng vùng Sédang trai chưa vợ, gái chưa chồng đều ngả chung ở Sang-Rung. Nhà Làng được cất ở giữa Buôn, chung quanh là nhà của đồng bào.

Ngoài Bắc-Việt, người ta nhận thấy vài cái đình ở vùng Đan-Phượng (tỉnh Hà-Đông) hay vài cái đình cổ xưa ở Sơn-Tây được làm kiểu sàn ở trên cột. Ta có thể so sánh những ngôi Đình đó với những Sang-Rung của đồng bào Thượng trên phương-diện kiến-trúc được. Đình Làng ở Bắc-Việt hay nhà Làng tại miền Nam là nơi hội họp của các vị chức sắc, cũng là nơi tế-tự, thờ cúng trong các dịp lễ bái.

Do ở vị trí kiến thiết, cách thức kiến-trúc cầu kỳ, kỳ cang và những tục lệ chung quanh ngôi Sang-Rung nên người ta đã đem so sánh những ngôi Đình của đồng bào thôn quê miền xuôi và cho rằng ngôi Đình là biến dạng của Sang-Rung.

Đi sâu vào tổ-chức gia-đình của đồng bào Thượng, người ta thấy cách tổ-chức và trang trí trong nhà hết sức sơ sài. Vật mà người ta thấy trước tiên là cái bếp. Cái bếp chính bao giờ cũng đặt ở giữa nhà và là nơi tiếp khách. Tại nhiều nơi như vùng Hré, số lượng bếp còn tượng trưng cho sự giàu sang của gia-đình. Bếp được lót bằng một tấm gỗ, trên đặt 3 hòn đá tựa như đầu rau ở miền xuôi. Nếu đồng bào miền xuôi kính trọng ông Táo tượng - trưng bằng 3 đầu rau coi như vị Thần giữ của và quan sát hành động của từng gia-đình. Cái bếp của người Thượng, nhất là Bếp Chính và Bếp Cũ lại càng chứa đựng nhiều điều kiêng kỵ rất đặc biệt tùy từng bộ-lạc.

Vật-dụng được coi vào hàng gia bảo của người Thượng là nồi đồng. Ngoài công dụng để nấu cơm, nồi đồng còn được dùng để làm đơn vị đo lường hoặc định giá cả. Đồng bào miền xuôi Bắc-Việt cũng vậy, gia-đình nào cũng có một số mâm đồng, nồi đồng làm của, nhà giàu thì có nhiều, nhà nghèo cũng có một đôi chiếc. Ngoài ra những chiếc "Ché" cũng là những vật dụng quý vào bậc nhất của đồng bào Thượng dùng để chứa rượu

cần. Trong khi đó, đồng bào miền xuôi cũng chơi ché cò dùng để cày cãnh mai, cãnh đào nhân dịp Tết thay vì để chứa rượu như đồng bào Thượng.

III. - TIÊU CÔNG NGHỆ - LÀM RÂY - LÀM RƯỢU.

Người ta nhận thấy đồng bào Thượng biết vài nghề thủ-công mà phương cách hành nghề cũng dễ dàng tìm thấy ở nhiều miền, nói các đồng bào Kinh sinh sống.

Nghề rèn được quý trọng và được coi như những người của Thần-linh sai xuống giúp đỡ sắc dân. Người Churu vùng Dran cũng biết làm đồ gốm rất khéo và đẹp.

Phương-pháp làm rây của đồng bào Thượng cũng không khác cách thức trồng lúa lóc trên đồng khô của đồng bào miền xuôi là mấy. Đến khi thu hoạch được lúa rồi thì việc đâm thóc, giã gạo, sàng, xay cũng hoàn toàn giống đồng bào miền xuôi.

Lúa đem về, việc đầu tiên đồng bào Thượng nghĩ tới là làm rượu cần. Cách thức làm rượu cần cũng giống như làm rượu nếp của đồng bào Kinh. Ngoài ra đồng bào Thượng tại Katu và Teu còn biết làm vài thứ rượu khác như rượu mía, rượu đoác.

IV. - Y-PHỤC.

Trước khi phát minh ra khăn xếp bán sẵn tại các cửa hiệu, đàn ông miền xuôi dùng một khổ vải dài gấp nhỏ lại và mỗi lần lại quấn lên đầu. Người Thượng hiện nay, tại nhiều Bộ-lạc đàn ông cũng có quấn khăn trên đầu như vậy.

Áo của người Trung-Hoa tay rộng, áo của người Việt tay hẹp và áo của người Chăm và người Thượng cũng hẹp như áo của người Việt. Người đàn bà Trung-Hoa mặc quần, ngày xưa người đàn bà Việt và người đàn bà Thượng mặc váy chứ không mặc quần như người Trung-Hoa.

V. - PHONG-TỤC TẬP-QUẦN.

Trước hết, chúng ta có thể ghi nhận một sự tương-đồng mật-thiết giữa đồng bào miền xuôi và một số Bộ lạc đồng bào Thượng ở việc thờ cúng, tế tự. Trong những dịp cúng tế thần Nước, Thần Lửa... hay Thần Làng tại

miền xuôi, buổi lễ bao giờ cũng được tổ-chức tại Sang-Rung, Đình Làng hay Nhà Làng. Nhân vật chủ tế thường là Chủ Làng, Lý-Trưởng hay Hương Cả. Ngoài những dịp cúng tế thường xuyên, mỗi khi gặp sự nguy-khôn, bão lụt hay hạn hán, đồng bào Thượng cũng tổ-chức những buổi cúng tế xin Thần Linh giúp đỡ, ban cho mưa thuận gió hoà. Tại các vùng quê miền xuôi, người ta cũng thấy những tục lệ hoàn toàn giống như vậy.

Trên phương diện phong-tục tập quán, người ta nhận thấy một sự tương đồng sâu-xa hơn nữa giữa đồng bào Thượng và đồng bào miền xuôi ở thu-tục cưới hỏi. Từ lễ vấn danh cho đến ngày cử hành lễ cưới, nhất nhất đều phải trải qua những giai đoạn và thu-tục giống nhau. Chỉ khác một điều trái với người Kinh, nhà trai đem lễ vật tới nhà gái để cầu hôn thì đồng bào Thượng vốn theo chế độ mẫu hệ nên nhà gái sẽ mang sính lễ tới nhà trai kể cả của hồi môn của cô dâu, từ đó chú rể ở hẳn nhà vợ giữ đạo tông thế không còn liên quan đến gia đình mình nữa.

Tại miền quê vùng đồng bằng Bắc-Việt, một đám rước dâu đi qua làng nào thì trai gái làng đó thường hay lấy một sợi dây giăng ngang đường ngăn cản không cho đi. Nếu gia đình cô dâu chú rể tặng cho họ một món tiền thì sợi dây sẽ được hạ xuống và đám cưới lại vui vẻ tiếp tục đi cùng với lời chúc tụng của đám thanh niên thiếu nữ. Nếu không, một người trong bọn họ sẽ cắt sợi dây đó ngụ ý chúc đũa cho đôi tân hôn sẽ gặp nhiều bất trắc trong cuộc sống lứa đôi. Tập tục này người ta cũng nhận thấy ở những đám cưới của một số bộ-lạc Thượng tại Cao-nguyên miền Nam.

Bộ lạc Chứt và một số bộ lạc khác rất khắt khe trong việc trừng phạt các đôi gian phu dâm phụ. Người gian dâm sau khi bị xác nhận tội trạng bởi các viên chức thẩm quyền trong làng sẽ phải nộp phạt cho làng một con heo hay một số vật dụng khác. Tục lệ của một vài bộ lạc khác còn khắt khe hơn bằng cách đuổi người gian dâm ra khỏi làng hay trời lại rồi thả trôi sông. Những biện-pháp trừng phạt này người ta cũng nhận thấy tại một vài vùng đồng bằng Bắc-Việt ngày xưa.

TIẾT III: VẤN-ĐỀ HOÀ-ĐỒNG CÁC SẮC DÂN TRONG MỘT QUỐC-GIA.

I. - VẤN-ĐỀ CHUNG CỦA NHIỀU QUỐC-GIA.

Từ sau thế chiến thứ II, nhiều cuộc di dân vĩ đại đã xảy ra. Nhà cầm quyền các quốc gia đã cố gắng đi tới những biện-pháp thực hiện một chính-sách Hoà-đồng các dân-tộc hiện đang sinh sống trên phần lãnh-thổ của quốc gia đó. Vấn-đề đã đưa tới những khúc mắc quan-trọng, nhiều khi dẫn tới những xung-đột trầm trọng. Công việc tạo lập một chính-sách nhằm mục-đích hoà-đồng các dân-tộc thiểu số hay những khối di dân tuy gặp nhiều khó khăn, chống đối những tự chung dù phải trả bằng bất cứ một giá nào, tất cả các quốc gia đều phủ nhận quan-niệm "Quốc-gia trong một Quốc gia" hay "mỗi dân-tộc một quốc gia". Vấn đề đặt ra một chính sách để dung hoà quyền-lợi cũng như nghĩa vụ của các sắc dân, đưa tới một sự thống nhất lãnh đạo và chỉ-huy đã là mối bận tâm không nhỏ của nhiều quốc-gia nhất là từ sau Thế Chiến thứ II, lúc mà quan-niệm "Quốc gia của Dân-tộc" bị sụp đổ cùng với sự thất trận của Đức-quốc. Trong phạm vi của Luận-Văn này, chúng ta chỉ sẽ đặc biệt khảo-luận về các Thổ dân hay khối những dân-tộc Thiểu-số. Và sự thật, đây mới là một vấn-đề quan-trọng và tế-bì.

Một số học giả cho rằng : "Ngày nào một quốc-gia được coi là một định-chế chính-trị và kinh-tế thì ngày đó không còn có chỗ cho quan-niệm đa số, thiểu số vì ai ai cũng được hưởng quyền lợi đồng đều trong quốc gia và quốc-gia không biết tới chủng-tộc của người dân, danh từ thiểu số lúc bấy giờ chỉ có ý nghĩa về phương-diện thống kê". Thật vậy, quốc gia là một khái-niệm chính-trị với những biên giới rõ rệt và một chính-quyền chủ không chú ý tới Dân-cư.

Tại các quốc gia Âu-Mỹ, các nhóm thiểu-số được tự do theo những phong-tục tập-quán riêng biệt trong khung cảnh rộng lớn của quốc-gia. Họ không bao giờ muốn được coi như thiểu dân với một quy-chế riêng vì như vậy tức là đi ngược lại quyền-lợi của chính họ. Quyền-lợi được luật pháp Quốc-gia đảm bảo, mọi nguyện-vọng được đầy đủ trong quốc-gia, những nhóm Thiểu-số gắng sức hoà mình trước hết với quốc-gia và chỉ

sau đó mới nghĩ đến đoàn thể riêng biệt và nhỏ hẹp hơn về nhân chủng, ngôn-ngữ và tôn-giáo... Dĩ nhiên đây là trường-hợp đặc thù của xã-hội Tây-phương mà trong đó trình độ văn-minh của các nhóm Thiểu số và đa số không mấy chênh lệch và luật-lệ được áp dụng đồng đều cho mọi người, mọi nhóm là điều-kiện tất yếu cho công cuộc đồng tiến cộng-đồng. Tuy nhiên sự đồng hoá này vẫn nằm trong giới hạn của việc phát-huy văn-hoá và những giá trị truyền-thống của các chủng tộc thiểu số, chính vậy mà gần đây phong trào Bretagne đòi tự trị đã thành-lập để chống lại chính sách kềm kẹp của Tổng-Thống De Gaulle và lãnh-tụ Mặt Trận Giải-Phóng Bretagne, Ông Yann Goulet đã nói "nếu Tổng-Thống De Gaulle không cho người Bretons được tự do để phát-triển về tinh-thần và vật-chất, phong-trào sẽ gia-tăng hoạt-động quân sự".

Tại Mỹ-Châu, Hoa-Kỳ cũng áp dụng một chính-sách tương-tự. Các chính khách tại đây đều quan-niệm vấn đề Thiểu số chỉ là vấn-đề nhân quyền. Trước Ủy-hội Nhân-quyền tại Liên-Hiệp-Quốc năm 1945, để cập đến vấn-đề thiểu dân, Bà Roosevelt đã từng phát-biểu: "Nếu những quyền cá nhân của mỗi người được tôn trọng thì không cần phải tuyên-bố về những quyền của thiểu dân". Hiến-chương Liên-Hiệp-Quốc trong đoạn mở đầu đã long trọng xác nhận: "Chúng tôi, những dân-tộc của Liên-Hiệp-Quốc quyết tâm xác nhận một lần nữa lòng tin tưởng ở những quyền-lợi căn bản của con người, ở tư cách và giá trị của cá-nhân, ở sự bình quyền nam nữ, ở sự bình đẳng giữa những dân-tộc lớn cũng như nhỏ". Như vậy, lời tuyên-bố trên đã xác nhận rõ rệt việc bảo vệ thiểu dân là một vấn đề xã-hội và hoàn toàn nhân đạo, nó không phải giới hạn ở một số quốc gia mà áp dụng chung cho bất cứ khu-vực nào của thế giới.

Lập trường của Liên Hiệp Quốc cũng như chính sách mà Huê-Kỳ long trọng tuyên-bố và đeo đuổi nghĩa là, muốn bảo vệ thiểu dân chỉ cần bảo đảm và bảo vệ nhân quyền là một lý-luận rất xác đáng, tuy nhiên trong thực-tế kinh-nghiệm cho ta thấy rằng lý-luận có nhiều nhược điểm:

1- Trước hết, sự cam kết long trọng ghi trên các văn-kiện pháp lý chỉ có giá trị lý-thuyết vì trên thực-tế các quốc gia vẫn dành quyền biện-minh cho sự bất thi hành hay thi hành không đúng đắn sự tôn trọng

nhân quyền...

2- Sự thực-thi đúng đắn quyền cá-nhân như chính-sách mà Hoa-kỳ đeo đuổi đối với thiểu số da đen tại Mỹ có thể chỉ giải-quyết nhất thời một tình-trạng chứ chưa hẳn đã giải-quyết được vấn-đề.

Tại Hoa-kỳ, sau cuộc nội chiến Nam Bắc, hơn 4 triệu người da đen hầu hết vô học được giải phóng, nhưng khôn nạn thay lớp người này vô gia cư, vô nghề-nghiệp làm sao đảm nhận ngay được những trách-nhiệm mới trong một xã-hội phức tạp như tại Mỹ-quốc, sự thiếu chuẩn bị chắc chắn không phải là lỗi của họ... Sự-kiện này đã đưa đến sự kỳ thị đau lòng tồn tại cho đến ngày nay.

Vì vậy mà khởi thủy tổ-chức chuyên-môn để bảo vệ thổ dân tại Liên-Hiệp-Quốc là "Ủy-Hội Nhân-Quyền". Đây là ủy-ban chuyên-môn độc nhất do đó chúng ta có thể nói rằng vấn đề bảo vệ thiểu dân được đồng hoá với việc bảo vệ nhân quyền trong giai đoạn đầu. Mãi đến tháng 6-1946 một phân ủy-hội được thành-lập đó là "phân ủy-hội chống kỳ thị chủng-tộc và bảo vệ thiểu dân". Đây là lần đầu tiên một cơ chế bảo vệ thiểu dân được thành lập. Phân ủy-hội nêu ra sự kiện hiện hữu của những nhóm chủng-tộc thiểu số trong một quốc gia cần được hưởng một sự đả-ngộ sai biệt trong một giới hạn nào đó, không những nhằm mục-đích để gìn giữ những đặc-tính căn-bản phân biệt họ với khối dân-tộc đa số mà còn tạo những điều-kiện thuận-lợi cho sự cải tiến xã-hội của họ ngõ hầu theo kịp trình-độ văn-minh chung của quốc-gia. Kết quả của quan điểm thực tiễn này là các hiệp-ước ký sau đó, các thiểu dân được nhìn nhận như những thực thể công cộng, được phép hưởng một sự đối xử sai biệt nghĩa là được có những đặc-quyền vượt ra ngoài khuôn-khố việc tôn trọng nguyên-tắc bất kỳ thị.

Trong những hiệp ước ấy, chúng ta nhận thấy những quốc gia thừa nhận cho các chủng-tộc thiểu số và đi xa hơn nữa là những quyền về chính-trị nhằm bình thường hoá những liên-lạc giữa khối dân-tộc đa số và thiểu số. Những quyền này thực ra thì cũng tương tự như kỹ-thuật địa phương phân quyền, nhóm Thiểu số được coi như là một tập-thể tự trị trong quốc gia và có những quyền-lợi chính-trị riêng biệt.

II.- VẤN-ĐỀ RIÊNG CỦA VIỆT-NAM,

Tại Việt-Nam, hiện nay có trên 30 sắc dân có ngôn-ngữ, phong tục tập quán khác biệt hiện vẫn sống trong tình trạng thấp kém và lạc-hậu so với khối dân-tộc đa số. Vấn đề tạo lập một chính sách cho khối các dân tộc thiểu số tại Việt-Nam cũng phức tạp và tế nhị không kém. Nhìn vào quá trình lịch-sử, từ các triều-đại quân chủ cho tới ngày nay, chúng ta cũng có một khái-niệm chung là nhà cầm quyền các thời đại kế tiếp nhau đều quan-niệm rằng các dân-tộc thiểu số đều có chung một ý-chí phấn-đấu để bảo-vệ sự sống còn chung của dân tộc, cần phải được hưởng những biện-pháp nâng đỡ đặc biệt cải hoá nếp sinh-hoạt cũng như sửa đổi những phong-tục, tập quán có hại cho họ. Thời Pháp thuộc, người Pháp muốn tách rời Cao-Nguyên miền Nam ra khỏi lãnh-thổ nước Việt-Nam để lập thành một liên-bang của Pháp đã chịu sự chống đối của đồng-bào toàn quốc không phân biệt sắc dân. Xem như thế, chúng ta có thể tự hào mà nói rằng đồng bào Việt-Nam không phân biệt Kinh, Thượng đã thấm nhuần một ý-thức dân-tộc sâu xa. Ngay từ quan-điểm của các nhà cầm quyền cũng vậy, quá trình lịch-sử cũng cho thấy đã có một vài cuộc chống đối của đồng bào sắc tộc Thiểu-số đòi hỏi một quy-chế tự-trị, gần đây hơn hết là phong-trào về trang bạc động FULRO. Ý-niệm tự trị theo quan-niệm của phong-trào này không thể nào chấp nhận được khi mà uy-quyền Quốc-gia phải được hành xử bằng một hệ-thống công-quyền duy-nhất vẫn là một điều bất di dịch.

Trên phương diện thực hiện một chính sách Hoà-đồng Dân-Tộc, với tình trạng đa tạp về nhân chủng và một bối cảnh lịch-sử và địa-dư rất phức tạp và tế nhị. Đường lối duy nhất mà Quốc-Gia Việt-Nam đã, đang và sẽ áp dụng là :

- 1- Gây ý-niệm dân-tộc nơi toàn thể đồng bào các dân-tộc thiểu-số.
- 2- Dành những ưu đãi để cải hoá và sửa đổi hẳn nếp sinh-hoạt đang trong tình-trạng lạc hậu của đồng bào các dân-tộc Thiểu-số.

Trong quá khứ, người ta cũng đã nói tới "vấn-đề tự trị" hay một

"chính-sách đồng hoá" của những chính-sách Thượng-Vụ. Dĩ nhiên, nếu muốn tạo dựng một đường lối Hoà đồng Dân-tộc thực sự thì không thể nào chấp nhận được những quan-điểm này.

Hiến-pháp ngày 1-4-1967 của Việt-Nam Cộng-Hoà cũng như bản Hiến-pháp đầu tiên của nhà cầm quyền Bắc-Việt đều có những điều khoản xác nhận ý chí tôn trọng quyền công-dân của đồng bào Thiểu số. Ngoài ra Hiến-pháp cả 2 miền cũng còn có những điều khoản nói đến việc dành cho đồng bào thiểu số những nâng đỡ đặc biệt để có thể theo kịp đà tiến-bộ chung của dân-tộc.

Vấn-đề Hoà-đồng Dân-tộc tại miền Nam còn mang một tính-cách quan trọng hơn, khi chúng ta được biết vùng Cao-nguyên vẫn là thủ phủ của đồng bào thiểu số, và chính lãnh địa này lại mang một vị trí chiến lược rất quan trọng trong cuộc chiến tranh này. Ngoài ra vùng Cao-nguyên còn là nơi chứa đựng một phần lớn tài-nguyên quốc gia, đóng một vai trò quan trọng trong các sinh-hoạt kinh-tế.

Một chính-sách thoả đáng để gây được tinh thần hoà-đồng dân-tộc, tạo được sự hợp tác hỗ tương giữa các dân tộc là một công việc rất quan trọng và cần thiết trong hiện tình lịch-sử của quốc gia Việt-Nam,

CHƯƠNG I

CÁC PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT VẤN-ĐỀ HÒA ĐỒNG DÂN-TỘC

Cho đến nay, vào những năm cuối thế-kỷ 20 này không còn một dân-tộc nào tự hào còn giữ nguyên huyết-thống, không một quốc gia nào còn có một sắc tộc duy-nhất. Dầu muốn dầu không, do hoàn cảnh lịch-sử, các sắc tộc dị biệt được gán ghép để chung sống trong một biên-giới; đôi một thì có sự dị biệt về ngôn-ngữ, tập quán, có khi cả màu da, nhưng đối với quốc-tế thì những người dân sống chung trong một biên-giới là công-dân của một quốc-gia duy-nhất.

Vấn-đề đặt ra là chính-sách của nhà cầm quyền đối với đồng-bào các dân-tộc Thiểu-số bên cạnh khối dân-tộc đa-số. Dù bằng một chính-sách này hay một chế-độ khác, vấn-đề Thượng-vụ hay là một chính-sách cho các dân-tộc Thiểu số vẫn còn là một vấn đề rất phức-tạp và gây nhiều khó-khăn cho các quốc-gia trên thế-giới. Trong những năm gần đây, chúng ta đã chứng kiến rất nhiều cuộc nổi dậy chống đối của khối các dân-tộc Thiểu-số trong những quốc gia mà họ cũng đã đóng góp nhiều công-lao xây dựng hay cùng đồng cam chịu những thăng trầm trong những diễn biến lịch-sử qua nhiều thế-hệ.

Hầu hết các quốc-gia đều chung một quan-niệm, người Thiểu-số là những thổ dân đã hiện diện lâu năm trong lãnh-thổ và còn sống trong vòng chậm tiến, hay là những thổ dân gần đi đến chỗ diệt chủng cần phải được bảo vệ. Với nhận định này, các quốc gia đều đi đến kết-luận là các dân-tộc Thiểu-số hay các Thổ dân đều là công dân của quốc-gia. Quốc-gia cần có biện-pháp nâng đỡ, bảo vệ họ và đối xử với họ như tất cả mọi người công dân khác.

TIẾT I : SƠ LƯỢC VỀ CHÍNH-SÁCH THƯỢNG-VỤ TẠI VÀI QUỐC-GIA Á-CHÂU.

Mục-đích của mỗi quốc-gia trong vấn đề xây-dựng một chính-

sách Thượng-vụ khác nhau, nên chủ-trưởng và việc tổ-chức các cơ quan đặc trách về người thiểu số cũng có nhiều phương-thức khác biệt. Sau đây, chúng ta có thể tìm hiểu sơ-lược về chính-sách Thượng-vụ của vài quốc-gia Á-châu mà các dân-tộc thiểu số tại những quốc gia này và tại Việt-Nam có những liên-hệ huyết thống cùng như về phong-tục tập quán.

I. TRUNG-HOA QUỐC GIA.

Dân số Trung-Hoa Quốc-gia gồm 13.300.000 người, trong đó có 153.700 sơn-bào chia thành 9 bộ-tộc có phong-tục, ngôn-ngữ khác nhau sống rải rác trên khắp triền núi cao từ Nam chí Bắc đảo Đài-Loan. Các bộ tộc này được chính thức xếp hạng như sau :

- 1- Bộ tộc ATAYAL tức Thái-Nhà-Tộc
- 2- Bộ tộc BUNUN tức Bô-Nông-Tộc
- 3- Bộ tộc TSOU tức Tào-tộc
- 4- Bộ tộc RUKAI tức Lô-Khai-Tộc
- 5- Bộ tộc FAIWAN tức Bái-Loan-Tộc
- 6- Bộ tộc AMI tức A-Mỹ-Tộc
- 7- Bộ tộc SAISIAT tức Trại-Hạ-Tộc
- 8- Bộ tộc FUYUMA tức Ti-Nam-Tộc
- 9- Bộ tộc YAMI tức Nhà-Mỹ-Tộc

Theo sử-Hiệu các Bộ-tộc này chính là giống người bản thổ, sinh sống trên đảo đã lâu ngày, trước khi có các cuộc di-dân, quan trọng của người Trung-Nguyên vào thế-kỷ 17, từ lục-địa Trung-Hoa sang sinh sống trên đảo.

Trước đây, khi đảo Đài-Loan còn nằm dưới quyền đô hộ kế tiếp của Hoà-Lan, Mãn-Thanh và Nhật-Bản thì các bộ tộc thiểu số bị coi như là giống man-dã, phó mặc cho đời sống núi rừng của họ, sự kỳ thị chủng tộc thật rõ rệt.

Ngay từ khi khôi phục lại Đài-Loan, chính-phủ Trung-Hoa Quốc-Gia đã nhận thấy tình trạng này nên đã thi hành ngay vài biện-pháp sơ-khởi để cải tiến đời sống các bộ tộc này là những thành-phần của dân-tộc

Trung-Hoa, có đầy đủ quyền-lợi theo Hiến-Pháp.

Chương-trình được thực hiện từ năm 1960, đến năm 1962 chính-quyền Đài-Loan đã minh-định nguyên-tắc Hành-chánh miền Sơn-địa như sau :

- Các biện-pháp bảo-vệ thổ dân sơn cước phải được quan-niệm cách nào để tránh không cản trở tiến-bộ.

- Việc bảo-trợ và hướng dẫn thổ dân sơn cước phải mềm dẻo, linh động và phải kể đến các yếu-tố như thời gian, địa điểm và phải được thi hành tăng tiến trên một căn-bản liên tục.

- Phải huan đắp tinh-thần tự lập nơi người thổ dân sơn cước và hướng dẫn họ sản xuất công-nghệ.

- Trong việc cai trị, mưu đồ phúc lợi cho thổ dân sơn cước phải chú trọng nghiên cứu theo các điều-kiện khách quan.

- Các biện-pháp đặc-biệt thi hành tại các miền sơn cước phải được dần dần hủy bỏ để đi đôi với các tiến bộ đã đạt được.

Ngoài những chức vụ Hành chánh được giao phó cho các công dân Thượng ưu-tú, Người Thiểu-số còn được dành riêng cho một số ghế Nghị-viên của Tỉnh Hội nghị và Dân-biểu của Quốc-dân Đại-hội. Chính-quyền Đài-Loan cũng dành mọi sự dễ dàng và đặc biệt bảo trợ để đồng bào Thiểu số theo học tại các trường Đại-học hay Học-viện chuyên-nghiệp.

II. MÃ-LAI-Á.

Dân số Mã-Lai-Á có chừng 13 triệu người, trong số có chừng 50.000 dân Thiểu-số chia làm 3 nhóm :

- Nhóm Négritos chiếm 5 0/0 tổng số, không có tổ-chức xã-hội rõ rệt, từng gia đình quy tụ sống đời du-mục nay đây mai đó sinh sống nhờ săn bắn và kiếm hoa trái trong rừng.

- Nhóm Proto-Malay đã tiến bộ, định cư và sinh sống bằng nghề trồng trọt.

- Nhóm Sênói nguồn gốc Môn-Khmer đông đảo nhất chiếm 600/0 tổng số, sống nghề làm rẫy.

Trước năm 1948, chính-quyền bảo-hộ Anh không quan tâm đến người Thiểu-số. Khi Nhật chiếm Mã-Lai, Cộng-sản Trung-Hoa đã lợi-dụng dân Thiểu-số trong chiến thuật du-kích và nhờ số dân này mà Cộng-sản bành-trướng ở Mã-Lai. Chính vì vậy, năm 1948 người Anh đã tổ-chức Nha Dân-Tộc Thiểu số với nhiệm vụ tách dân Thiểu số ra khỏi ảnh hưởng của Cộng-Sản.

Từ năm 1948 đến 1960 chính-quyền tập trung dân Thiểu số lại trong các khu-vực dành riêng. Vì không hợp thủy thổ một số dân Thiểu số đã chết mặc dầu chính-quyền đã có những biện-pháp tiếp tế bảo trợ dồi dào. Tuy nhiên, chính-quyền cũng đã thực hiện được mục tiêu là tách dân ra khỏi ảnh hưởng của Cộng-sản. Vì thiếu sự giúp đỡ, hỗ trợ của dân Thiểu số nên Cộng-sản hoàn toàn bị cô lập và bị dẹp tan năm 1961. Cũng từ năm này Nha Dân-Tộc Thiểu số được tách ra khỏi Bộ Nội-Vụ chuyển sang Bộ Đất-Đai và Hầm mỏ. Cơ quan này từ đó có nhiệm-vụ bảo-vệ dân Thiểu số khỏi ảnh hưởng Cộng-sản và chú trọng đến việc sát nhập dân Thiểu số vào cộng-đồng quốc-gia.

Chính-sách đối với dân Thiểu số được chính-quyền Mã Lai công bố trong cuốn "Tuyên-Ngôn chính-sách Quản-trị các sắc-tộc Thổ dân", trong đó có nói các vấn đề quốc gia dành cho người Thiểu số trên các địa hạt nông-nghiệp, y-tế, giáo-dục, khai thác lâm-sản v.v...

III. MIẾN-ĐIỆN

Miến-Điện có chừng 21 triệu dân, trong số có chừng 3 triệu 500 ngàn người Thiểu số. Miến-Điện có những sắc-tộc thuộc nhóm Thái (Khamti-Shan), nhóm Môn-Khmer (Palaung-Wa Mon), nhóm Kuki-Chin và các sắc dân như Mro, Karen, Naga, Sak (hay Lui) Salon Singpho, Kachin, Lolo Musho và Man.

Các sắc tộc trên đây sống trong những khu-vực riêng chiếm 430/o diện-tích toàn quốc. Những khu-vực này chia làm 2 loại. Khu-vực Ngăn cách và Bán Ngăn cách. Khu vực Ngăn cách là những khu-vực mà dân cư có một trình độ quá thấp kém còn giữ nguyên nếp sống cổ-truyền và chưa thể đưa họ vào cộng đồng quốc gia. Những khu-vực Bán Ngăn-

cách là những vùng đã có đôi phần tiến-bộ, dân cư trong đó đã có ít nhiều người hấp thụ văn-minh của quốc gia và thực-hiện những cuộc cải cách xã-hội. Tại những khu sau này chính-quyền tổ-chức được những cơ sở Hành-chánh, còn các khu trước do các Bộ-lạc tự quản trị.

Hiến-pháp Miến-Điện đã minh định là Quốc gia cần phải khuyến-khích các thổ dân chậm tiến phát-triển văn-hoá và xã-hội, bảo vệ các cổ tục của họ. Thổ dân, nói riêng các dân-tộc sống trên vùng sơn cước được hưởng một quy-chế riêng biệt áp dụng tại các vùng Kachin-Shan, Kayah và ở những vùng biên giới. Trong vùng của người Chin, các nhà làm luật vào năm 1948 vẫn dành cho họ một quy-chế tự trị nhưng có những đại diện của chính-quyền bên cạnh các tổ-chức tự quản của thổ dân để cố vấn trong các vấn-đề giáo-dục, y-tế, xã-hội...

Theo đúng tinh thần của Hiến-pháp nhằm mục-đích nâng đỡ Thổ dân phát triển. Chính-quyền Miến-Điện đã thực hiện được nhiều cải cách tốt đẹp tại những vùng sinh sống của Thổ dân.

TIẾT II : SƠ LƯỢC VỀ CHÍNH SÁCH THƯỢNG VỤ TẠI VIỆT-NAM.

MỤC I : TRONG QUÁ TRÌNH LỊCH-SỬ.

Đoạn I - Chính-sách Thượng-Vụ dưới các triều đại quân-chủ.

Nếu tại miền Bắc các nhà cầm quyền không phải bận tâm nhiều về vấn-đề Thượng và chính-sách chú-hầu đã giúp cho Triều-đình ổn định được vùng Thượng du Bắc-Việt, sự liên-lạc giao tiếp không hề bị gián-đoạn và trở thành tự nhiên. Đồng bào Thượng trong Nam phải chờ có những cuộc Nam tiến dưới đời nhà Trần mới thực sự trở về hàng ngũ dân tộc sau hàng chục thế-kỷ bị gián đoạn trở thành xa lạ. Hơn nữa, giữa hai nền văn-minh Trung Ấn có nhiều khác biệt. Cũng vì vậy suốt từ thế-kỷ 15 đến nay các nhà cầm quyền Việt-Nam đều lo tìm kiếm một giải-pháp, một chính-sách thích hợp cho đồng bào Thượng miền Nam.

Vùng Thượng-du Nam Ngai từng có biệt danh là Trần-Man rồi

Sơn-Phùng-Trần. Những biện-pháp áp dụng ở Trần-Man đều được đem áp dụng ở vùng Cận-Sơn dọc theo dãy Trường-Sơn. Sở dĩ Trần-Man được lựa chọn làm thí điểm vì các Bộ-lạc ở đây rất hiếu động, chính-quyền muốn lập một vòng đai ngăn ngừa các sắc-tộc trên cao-nguyên tràn xuống khuấy phá vùng đồng-bằng.

Dưới các triều đại quân-chủ, chúng ta lần lượt ghi nhận những chính sách Thượng vụ sau :

- 1/- Bùi-Tá-Hàn (1540) với chính sách Dân-tộc hoà-đồng.
- 2/- Nguyễn-Cứ-Trình (1750) với chính-sách Tri-hành hiệp nhất.
- 3/- Nhà Nguyễn Gia-Long với chính-sách Sơn-Phùng.

1- Bùi-Tá-Hàn với chính-sách "Dân-tộc Hoà-đồng".

Năm 1471, vua Lê-Thánh-Tôn với cuộc Nam tiến mở rộng bờ cõi xuống tận mũi Diêu (Quảng-Ngai, Bình-Định), quân Nam đã gặp trong hàng ngũ Chăm các binh-đội người Thượng. Vùng Cao-nguyên miền Nam từ đầu thế kỷ XI đến giữa XII là nơi tranh giành ảnh hưởng giữa Khmer và Chăm.

Năm 1540, ông Bùi-Tá-Hàn được cử vào trấn nhậm đất Nam-Ngai còn gọi là vùng Trần-Man để bình định và đối phó với giặc Đá-Vách thường vượt cấm địa tràn xuống cướp phá vào những năm mất mùa đói rét. Bùi-tá-Hàn quan-niệm vấn đề thu phục miền Thượng không những chỉ trên phương diện thuận-túy quân-sự mà cần phải có một chính sách thoả đáng. Do đó, sau khi ổn định được "loạn Đá Vách", ông đã phác hoạ một chính sách Thượng vụ dựa trên ý-niệm Dân-Tộc Hoà-Đồng như sau :

- Tổ-chức dinh điền và di dân lập ấp trên vùng sơn cước, mở rộng sự liên-lạc buôn bán với người Thượng.
- Tiến cử các vị Tú trưởng, thân hào Thượng và xin tâu-phong cho hai vị Fhiên-Vương Hoà-Xá và Thủy-Xá.
- Gây ý-thức Quốc-gia, Dân-tộc cho người Thượng. Khuyến-khích người Thượng tham gia vào các dịch-vụ quốc-gia.

- Đặt ra chức Giáo dịch người địa phương để đặc trách trông nom các dân sơn cước.

Với chính sách trên, Bùi-Tá-Hàn đã thành-công và trong suốt nhiệm kỳ của ông, vùng Nam-Ngai-Bình được yên ổn, mối giao hảo giữa Kinh và Thượng được mật-thiết và tinh-thần dân tộc bắt đầu thấm nhập vào ý-thức dân Thượng.

2- Nguyễn-Cứ-Trình với chính-sách "Tri hành Hiệp nhất"

Đến thời Võ-Vương gặp những năm mưa lụt đói rét, người Đá Vách lại nhiều phe phái tranh hãn xuống đồng-bằng Nam-Ngai-Bình cướp phá. Năm 1750, Võ-Vương bổ nhiệm ông Nguyễn-Cứ-Trình làm Tuần-phủ Quảng-Ngai với trọng-trách bình-định giặc Đá Vách.

Trong cuốn Sai-Vải, một tác-phẩm được coi như bài hịch tác-động tinh-thần binh sĩ, ông Nguyễn-Cứ-Trình đã đề nhân-vật Sai-Vải nói lên cái tinh thần khiếp nhược của quân dân lúc đó và cùng đề bày tỏ chí hướng.

"Ai chịu quyền trọng trấn nhứt phương, nếu không đánh để sau sinh tộ".

Sau đó ông cho tiến quân và toàn thắng ông đã nghiên-cứu tường tận nguyên-nhân khiến họ làm loạn và việc đầu tiên là lập chương-trình giải-quyết sinh-kế cho đồng bào Đá Vách, tổ chức lại đồn điền và định-cư dân Thượng. Ông không hứa suông mà chủ trương "Tri hành hiệp nhất", người Thượng theo về một ngày một đông.

Mùa đông năm 1751 ông dâng sớ bày tỏ nỗi khổ của Thổ dân "Dân là gốc nước, gốc không bền thì nước khó yên, nếu thường không gia ân thì khi loạn mong nhờ dân sao được". Ông đưa ra một chính sách bình-định như sau :

- Châu Huyện phải được trực-tiếp với dân để thấu hiểu oan ức.
- Xin cấp lương cho quan để khỏi sách nhiễu dân chúng, hãm thẳng tham trị.
- Thuế khoá công bình, nghèo được miễn giàu phải đóng.
- Không nên làm dân giao động, hoang mang.

Bài sớ của ông dâng Vua nhưng không được cứu xét nên ông từ chức và chính-sách Dân-tộc Hoà-đồng của Bùi-Tá-Hàn cũng kém hiệu-lực.

2- Nhà Nguyễn Gia-Long với chính-sách Sơn-Phòng.

Hai năm sau khi lên ngôi, Vua Gia-Long mới nghĩ đến củng-cố an-ninh trên vùng Thượng và phát-triển kinh-tế, thương-mại trên vùng sơn-cước. Chính-sách Thượng-vụ của Gia-Long là công-trình của nhiều nhân sĩ cộng-tác thực hiện.

a)- Về quân sự : Tả quân Lê-văn-Duyệt được phái đến Trấn-Man dẹp loạn, sau đó ông đứng ra trông nom việc xây đắp Trường Lũy Sơn-Phòng hay Tịnh-Man. Trường-Lũy chạy dài từ Trà-Bồng (Quảng-Ngai) xuống tới vùng Nước Giao - Gò Bùi thuộc An-Lào (Bình-Định) dài trên 90 cây số.

b)- Về hành chánh : Vùng Thượng Nam-Ngai được coi là đất phong Hầu của công thần Nguyễn-Công-Toàn và có tên là Trấn-Man.

c)- Về kinh-tế : được giao cho 2 ông Nguyễn-Công-Trứ và Nguyễn-khắc-Tuân thực hiện :

- Tổ chức định cư đồng bào Thượng và dạy họ phương-pháp cấy bừa và làm ruộng sâu.

- Tổ chức nhiều khu dinh-diện và đồn điền, di dân vùng đồng bằng lên khẩn hoang lập ấp,

- Việc buôn bán giữa đồng bào Kinh và Thượng được tự do.

Năm 1863, Vua Tự-Đức muốn rảnh tay đối phó với ngoại xâm nên đưa ông Nguyễn-Tân vào làm Tiêu-Phu-sứ Trấn-Man, Từ đó Trấn-Man đổi tên là Sơn-Phòng-Trấn gồm các vùng Sơn-cước từ Quảng-Nam xuống tới Bình-Định.

Hình thức Sơn-Phòng-Trấn do dân quân xây lũy sơn phòng, lập các đồn binh, pháo đài ngăn cách miền xuôi và miền núi dọc theo các tỉnh Quảng-Ngai và Bình-Định. Chính sách Thượng-vụ áp dụng tại các Sơn-Phòng-Trấn do Nguyễn-Thần là cháu nội của Nguyễn-Tân viết theo kinh-nghiệm của ông, cha để lại được ghi rõ trong tập "Phủ-Man Tạp-Lục".

a)- Chính-Trị .

- Nghiên cứu kỹ càng địa-hình, địa vật đường lối giao-thông trong khu-vực hoạt-động.
- Hiểu rõ phong-tục tập-quán và ngôn-ngữ địa-phương.
- Cương-quyết trong việc lãnh đạo nhưng thận trọng khoan dung trong cách đối xử.
- Công bằng và triệt để giữ lời hứa.

b)- Hành chánh.

Bổ chế-độ Giáo-dịch.

Căn cứ theo các thủy lộ lập ra các Tổng-Nguồn. Dưới mỗi Tổng-Nguồn có một số Đầu-mục tương đương với Xã-trưởng, dưới Đầu-mục là Sách-Trưởng (Thôn-trưởng). Các chức vụ này đều do người Thượng phụ-trách.

Trai tráng được kiểm-tra chặt chẽ, tên tuổi được ghi vào sổ danh-bộ.

c)- Quân-Sự.

Tổ-chức thêm quân chính-quy và dân-quân, lập thêm các đơn-binh và pháo đài dọc theo Lũy-Sơn-Phòng. Quyền chỉ-huy quân-đội do một Đề-đốc thay mặt Tiều-Fhu-Sứ phụ trách.

d)- Thuế khoa.

Hạ thuế-xuất. Thuế chia bố cho các Nguồn tùy theo khả-năng, tùy nhân khẩu.

Chính-sách của Nguyễn-Tấn được duy-trì tới khi quyền tự-chủ bị mất vào tay người Pháp. Với chính-sách kể trên cộng thêm những đường lối kinh-tế của Nguyễn-Công-Trứ và Nguyễn-khắc-Tuần, có thể nói chính-sách Thượng-Vụ được dò dẫm suốt 4 thế-kỷ đến thời Nguyễn-Tấn và Nguyễn-Thân đã có một nền móng khá vững chắc.

Đoạn II : Chính-sách Thượng-Vụ dưới thời Pháp thuộc.

Người Pháp sau khi đặt chân lên toàn cõi Việt-Nam, việc tiên-khởi là tìm cách chia nước Việt-Nam ra làm nhiều khu-vực, mỗi khu-vực

có chế độ riêng. Đây là một kế-hoạch trong một chính-sách với mục-đích không-chế những thuộc-địa. Như vậy, chủ-trưởng "chia để trị" cũng đã không chỉ được người Pháp áp dụng tại các vùng đồng-bằng. Trái lại có thể nói, người Pháp đã tiêu thụ sâu xa hơn một vấn đề rất phức tạp của các dân-tộc Thiểu-số, khi đặt một chế-độ gọi là "Địa-phương tự-trị" đem áp dụng cho những vùng đồng bào Thiểu-số. Việc thiết-lập và áp-dụng chế-độ "Địa phương Tự-trị" của người Pháp lại còn thay đổi tùy miền, đặc biệt đối với Cao-nguyên miền Nam là nơi mà người Pháp đã nhiều phen âm-mưu tách rời ra khỏi lãnh-thổ Việt-Nam.

1- Tại miền Bắc, vùng đồng bào Thiểu-số được chia thành nhiều Đạo-quân-binh thuộc nhà cầm quyền quân-sự Pháp. Mỗi Đạo-quân-binh là một khu-vực của từng sắc dân, có chế-độ tự-trị riêng. Điển hình là các khu sau đây :

+ Khu Thái.

- Năm 1890, Phó Lãnh sự Pavie nhận danh Hoàng-đế Việt-Nam cử ông Đào-văn-Trí làm Tri-phủ Điện-Biên-Phủ. Chức vụ của ông Trí có quyền truyền thừa kế.

- Năm 1948, người Pháp tổ chức xứ Thái thành một khu Tự-trị. Quyền Lập-pháp do một Phòng Đại-diện gồm đại-biểu của các Châu được dân bầu lên trong nhiệm kỳ 4 năm. Phụ trách về Hành-Pháp có một Chủ-Tịch do Hội-đồng Tối-cao Thái gồm các Tỉnh-Trưởng, Tù Trưởng, Tri-Châu bầu lên với 2/3 phiếu. Nhiệm kỳ của vị chủ tịch Hành-pháp là 5 năm. Vị Chủ-Tịch có cố-vấn Pháp giúp đỡ. Về Tư-pháp luật cổ truyền được tôn trọng. Về văn hoá chữ Pháp và chữ Thái được dùng trong các trường học.

+ Khu Nùng.

Được hưởng một qui-chế Tự-trị rộng rãi hơn :

- Về Lập-Pháp có một Hội-đồng Lãnh-Thổ, cứ 1.000 dân được bầu 1 đại-biểu vào Hội-đồng.

- Về Hành-Pháp có một Hội-đồng cai trị thường trực.

- Về Tư-pháp do luật-pháp Việt-Nam chi- phối.

+ Khu Mường.

Chưa có quy-chế tự-trị.

Quốc-trưởng Bảo-Đại dự định ban-hành cho khu Mường một qui-chế Song-viện gồm 1 Hội-đồng Quan-Lang và 1 Hội-đồng Đại-diện Địa-phương do dân bầu ra, nhưng chưa được thực hiện thì miền Bắc rơi vào tay Cộng-sản sau hiệp định Genève.

2- Năm 1887, người Pháp đặt chức Toàn quyền để cai-trị Đông-Dương, cho nên các Vùng Cao-nguyên thuộc quyền cai-trị của viên Khâm-sứ mỗi kỳ.

Tại các vùng Cao-nguyên miền Nam, chủ trương của người Pháp diễn tiến như sau :

Tháng 10-1898, Khâm-sứ Trung-kỳ Bouloche đề-nghị lên Cơ-mật viện của Triều-đình Huế đòi hủy bỏ chế-độ thương-mại và thu thuế bằng phẩm vật tại các vùng Thượng miền Nam và để người Pháp trực tiếp phụ-trách việc an-ninh tại đây. Đề nghị này được nhà Vua chuẩn y và từ năm 1898, vùng Cao-Nguyên miền Nam bắt đầu thuộc quyền Bảo-hộ của người Pháp.

Trong năm này người Pháp lập 2 tỉnh Lâm-Viên và Đồng-Nai-Thượng, tỉnh lỵ đặt tại Đà Lạt và Djiring. Phần đất còn lại của Cao-Nguyên cũng lần lượt được thành-lập các Tỉnh : Kontum năm 1907, Darlac năm 1923, Pleiku năm 1929. Nghị định ngày 30-7-1923 qui-định tổ-chức hành-chánh tại những vùng có người Thượng sinh sống biến đổi các khu-vực như trấn, tổng, Nguồn, Mẹo, Mực thành ra các khu-vực Hành-chánh như Đạo, Châu hay Huyện, tổng, làng. Tại các tỉnh này ngoài viên Công-sứ người Pháp, Nam-triều còn đặt một viên chức người Kinh gọi là Quan-đạo để đại diện. Trên lý-thuyết các Quan đạo có trách-nhiệm lo về an-ninh trật tự chung trong tỉnh và làm trung gian liên-lạc với Thổ dân, nhưng thực-tế không có chút quyền hành nào mà chỉ là những bình phong để người Pháp trút trách-nhiệm những lỗi lầm cho Nam triều. Những chức vụ Hành-chánh Địa-phương như Tri-Huyện, Chánh Tổng, Chủ Làng đều là người Thượng lựa chọn trong những người có chút ít khả-năng nhất vùng. Tất cả những vấn-đề liên quan

đến người Thượng đều do chính-quyền Pháp hoạch định và giải-quyết. Sự giao dịch buôn bán giữa miền xuôi và miền núi bị hạn chế và cấm hẳn tại các tỉnh Darlac và Fleiku.

Nói chung người Pháp đã áp dụng chế độ trực trị tại những nơi có đồng bào thiểu số cư ngụ. Sự thật quá trình lịch-sử đã cho thấy dã tâm của người Pháp là muốn chiếm đoạt hoàn toàn quyền hành cai trị từ Nam triều. Đặc biệt là vùng Cao-nguyên, người Pháp đã nhiều lần muốn tách rời ra khỏi lãnh-thổ Việt-Nam để thành-lập một Liên-Bang của Pháp. Ý-định này có thể suy luận tới những mưu đồ khác của Pháp :

- Dành độc quyền khai thác tài nguyên Cao-Nguyên.
- Ngăn chặn hoạt-động của các tổ chức ái quốc Việt-Nam vẫn lập căn cứ kháng Pháp trên vùng Thượng.

Với âm-mưu đó, người Pháp cấm hẳn không cho người Kinh lên Cao-nguyên và giao-thiệp, buôn bán với người Thượng. Người Pháp đã tổ-chức khai-thác tài-nguyên và nhân-lực Cao-Nguyên trong một chương-trình rất quy mô : bỏ vốn khai-thác lâm thổ sản, đưa người lên lập đồn-điền...

Vấn-đề khai hoá dân địa phương hầu như không được đề cập tới. Có lẽ người Pháp nghĩ rằng với số dân ít ỏi lại không đồng nhất, trình-độ lạc hậu thì sớm muộn cũng sẽ bị mai một hoặc bị đồng hoá trước sự tràn ngập của công-dân Pháp.

Tuy nhiên cũng như ở miền xuôi, suốt từ đầu thế kỷ XX đến năm 1945. Người Pháp đã phải chịu đựng liên tiếp các phong-trào khởi nghĩa tại Cao-Nguyên, khi thì do người Kinh chỉ huy, lúc do chính người Thượng lãnh đạo. Cũng vì vậy nhà cầm quyền Pháp phải xét lại vấn đề, ve vãn để qui phục các vị Tu-trưởng, Chúa Vùng, Chúa Làng, những người có uy-tín và mua chuộc dân Địa phương bằng các công-tác xã-hội, chẩn tế... Còn vấn-đề mở mang khai hoá cho dân Thượng là quan trọng nhất thì không đề cập tới và phó mặc cho các Hội truyền giáo.

Năm 1945, người Pháp trở lại Cao-Nguyên miền Nam với một

chủ-trưởng cai-trị mới. Âm-mưu tách rời Cao-Nguyên ra khỏi lãnh-thổ Việt-Nam đã được thấy rõ hơn. Do sắc lệnh ngày 27-5-1946, Vùng Cao-Nguyên được tổ-chức thành một liên-bang thuộc Pháp. Sắc lệnh này thành lập "Liên Bang phụ trách các dân-tộc sơn cước miền Nam Đông-Dương", ấn định một toà Ủy-Viên phụ trách Liên-Bang, trụ sở đặt tại Ben-mê-thuôt và cũng nói rõ là Liên-Bang tách khỏi quyền hạn của Ủy-Viên Cộng-Hoà Nam-Việt.

Đến năm 1949, trước tinh-thần chiến-đấu của nhân-dân Việt-Nam, người Pháp phải trả lại cho Chính-phủ Việt-Nam cả hai miền Cao-Nguyên Nam và Bắc sau thoả-hiệp 8-3-1949 cùng với các thoả-hiệp khác trao trả Độc-Lập cho Việt-Nam. Mặc dầu vậy, người Pháp vẫn muốn bảo-vệ quyền-lợi của họ trên Cao-nguyên nên cố tình nhấn mạnh vào sự khác biệt giữa Kinh và Thượng để phủ-nhận yếu-tố công dân Việt của người Thượng và yêu cầu Chính-phủ Việt-Nam ban-hành những qui-chế đặc biệt cho đồng-bào Thượng với sự thoả thuận của Chính-phủ Pháp.

Hoàng-Đế Bảo-Đại đã thoả mãn những đòi hỏi trên của Pháp, ngày 15-4-1950 Quốc-Trưởng Bảo-Đại ban hành dụ số 6 tổ-chức Vùng Cao-Nguyên thành hai Hoàng-Triều Cương-Thổ Bắc và Nam đặt dưới quyền quản-trị của vị Khâm-Mạng Hoàng-Triều Cương-Thổ.

Ngày 21-5-1951, Quốc-Trưởng Bảo-Đại ra đạo dụ số 16-QT/TD ban hành một qui-chế riêng cho các sắc tộc Thượng tại Cao-Nguyên miền Nam. Qui-chế này bao gồm nhiều phương diện :

a)- Chính trị, Hành chánh : khuyến-khích đồng bào Thượng tham-gia vào công việc điều-khiển các vấn đề liên quan đến Cao-nguyên miền Nam. Các tù trưởng và viên chức giữ các nhiệm vụ Hành chánh và Tư pháp được giữ nguyên.

Từ âm-mưu muốn biến Cao-Nguyên miền Nam trở thành một Liên-Bang của Pháp trong chủ-trưởng "chia để trị" với dụng ý phân hoá dân-tộc đi tới sự căm thù huyết thống. Người Pháp thật ra đã không thực hiện được một tiến-bộ nào cho đồng bào Cao-Nguyên ; trái lại họ đã tổ-chức một hệ-thống qui-mô nhằm khai-thác tài-nguyên Cao-nguyên đến mức tối đa.

Đoạn III - Chính-Phủ Ngô-Đình-Diệm với chính-sách
"Dân-Tộc-Hoá"

Vừa lên cầm quyền (7-7-1954), Thủ-Tướng Ngô-Đình-Diệm yêu cầu Quốc-Trưởng Bảo-Đại cho hủy bỏ Quy-chế "Hoàng-Triều Cường-Thổ". Đề-nghị này được chấp thuận, ngày 10-8-1954, chính-phủ Việt-Nam thông đạt cho Cao-uy Pháp biết quyết-định trên của Quốc-Trưởng.

Ngày 11-8-1955, Chính-phủ ban hành Dụ số 21 sát nhập Hoàng-Triều Cường-Thổ vào Lãnh-thổ Việt-Nam và do Sắc lệnh số 61 cùng ngày, vị Đại-biểu Chính-phủ đầu tiên tại Cao-Nguyên được bổ nhiệm. Từ đó các cơ-cấu tổ-chức Hành-chánh cũng như quân sự tại Cao-Nguyên Trung-phần, từ hạ tầng cơ sở đến trung-ương đều được tổ-chức theo một đường lối duy-nhất thuộc hệ-thống Hành-chánh và Quốc-phòng của Quốc-gia.

Chính-sách đối về Thượng vụ đã được Thủ-Tướng Ngô-Đình-Diệm trình bày trong buổi lễ tuyên thệ của đồng bào Thượng tại Darlac ngày 12-6-1955 :

"...giữa đồng bào Thượng và đồng bào miền Kinh thực hiện một "nền Tự do bình đẳng không có sự phân biệt chia rẽ nào cả".

"...Từ nay, Kinh Thượng đễ huề, quân dân chính nhất trí thì công cuộc khai hoá miền sơn cước quyết sẽ thành tựu trong một thời gian "ngắn để đem lại hạnh-phúc về tinh-thần và vật-chất cho chính các đồng-bào sơn cước đồng thời gây dựng sự phú cường chung cho Quốc-gia Việt-Nam chúng ta".

Chính-phủ Ngô-Đình-Diệm đã rất chú trọng đến vùng Cao-Nguyên, trong một bối cảnh lịch-sử đương thời với một địa-thể rất đặc biệt của miền Cao-nguyên, người ta có thể nhìn nhận được chánh-quyền Ngô-Đình-Diệm đã thực tâm muốn mở-mang và phát-triển Cao-Nguyên. Những cái cách quan-trọng được thực hiện và từ đó Cao-nguyên đã có những sinh-hoạt rất sống động không còn im lặng và xa lạ nữa. Tuy nhiên, chính-sách về Thượng vụ của chánh-quyền Đệ I Cộng-Hoà đã vấp phải những sai lầm to lớn cũng như những biện-pháp độc đoán sau :

- Phủ nhận quyền sở hữu đất đai của đồng bào Thượng.
- Bãi bỏ toà-án phong-tục Thượng.
- Cấm việc dạy Thổ-ngữ.
- Áp dụng một chương-trình Diệt-diên không thích hợp với phong-tục, tập quán cũng như mức tiến hoá của đồng bào Thượng, v.v..

Hậu-quả của những sai lầm trên là xã-hội Thượng bị giao động mạnh, gây nên tình-trạng chia rẽ giữa Kinh và Thượng. Do đó vào năm 1958, giới trí thức Thượng đã đứng lên thành-lập phong-trào Bajaraka tranh đấu cho đồng bào Thiểu-số. Tháng 7-1958, Phong trào đã cho phổ-biến tại các tỉnh Pleiku - Kontum - Darlac bản "Nguyễn-vọng Đấu-tranh của Đồng bào Thượng" gồm 26 điểm bao trùm các vấn đề kinh-tế, chính-trị, Hành-chánh, An-ninh Quân sự, Tư-pháp, Văn-Hoá, Giáo-dục, Y-tế Xã-hội ; Đại để bản Nguyễn-vọng đòi hỏi chánh-quyền phải thực-hiện những cải-cách để nâng cao trình-độ của đồng bào Thượng, san bằng những bất công giữa người Kinh và Thượng, đồng bào Thượng phải được quyền hưởng những tiện-nghi và an-ninh xã-hội như đồng bào Kinh. Ngoài ra bản Nguyễn vọng còn đòi hỏi chính-phủ phải trọng dụng vào một chức vụ có thực quyền và tương xứng những viên chức người Thượng có khả-năng. Bản Nguyễn-vọng cũng ước mong chánh-quyền "tỏ ra sáng kiến và thiện chí xây-dựng mà tổ-chức đại-hội đồng bào Thượng hầu có dịp trình bày những thắc-mắc bất công..."

Mặc dầu vào giữa năm 1957, chính-phủ Ngô-Dinh-Diệm đã thành lập một cơ quan Thượng-vụ mệnh danh "Nha Công-Tác Xã-Hội miền Thượng". Nhưng trên thực-tế, cơ quan này cũng đã chẳng thực hiện được một công tác quan-trọng nào, ngoài việc đào tạo cán-bộ xã-hội và chuyên-nghiệp. Sở dĩ tình-trạng đã xảy ra như vậy vì chánh-quyền đương thời chưa cải tạo những công-tác thượng-vụ trên một chính sách đúng đắn qui-mô. Cho đến khi phong-trào Bajaraka nổi dậy, chánh quyền Ngô-Dinh-Diệm đã không giải-quyết trên một tinh-thần dân tộc mà còn dựa vào những sai lầm nông nổi của Phong-trào để thẳng tay đàn áp. Một số lãnh tụ bị bắt, hầu hết các quân-nhân, công chức Thượng đều bị thuyên chuyển ra miền Trung.

hoặc vào Nam.

Với biện-pháp kể trên, chính-phủ Diệm đã chứng tỏ quyết tâm đồng hoá người Thượng với bất cứ giá nào. Có thể nói đây là một lời lầm to lớn của chính-phủ Ngô-Dinh-Diệm, gây nên những bất mãn triền-miên trong sinh-hoạt của đồng bào các dân-tộc thiểu số. Nhờ vậy mà vào năm 1959, Việt-Cộng đã thành công trong việc đưa cán-bộ Thượng tập kết về lãnh đạo đồng bào Thượng trong "Mặt trận Tây-Nguyên tự trị" một công cụ của nhà cầm quyền Cộng-sản Bắc-Việt.

Song song với biện-pháp đàn áp, để che lấp chủ trương đồng hoá, chính-phủ Ngô-Dinh-Diệm cho phổ biến một bản "chính-sách Thượng". Bản chính-sách này không do Tổng-Thống hoặc nhân-vật có thẩm quyền công-bố mà do bộ Thông-tin soạn thảo và phổ biến dưới hình thức tài-liệu. Nha Công-Tác miền Thượng mặc nhiên căn cứ vào đó để khai thác và dùng làm chi-nam hoạt-động. Bản chính sách này gồm có những điểm chính-yếu sau :

- 1- Xây-dựng tinh thần Kinh-Thượng bình đẳng : Kinh Thượng đều bình đẳng về quyền-lợi cũng như về nhiệm-vụ.
- 2- Xây-dựng tinh thần Kinh-Thượng đoàn-kết : xoá bỏ mọi ngờ vực, thành kiến chia rẽ giữa Kinh và Thượng. Việc buôn bán, giao dịch giữa Kinh và Thượng được đặt trên căn-bản Bình-đẳng.
- 3- Xây-dựng tinh-thần yêu tổ-quốc Việt-Nam. Làm cho đồng-bào Thượng hành-diện về tổ-quốc Việt-Nam mà họ đã đóng góp xây dựng.
- 4- Nâng cao trình-độ sinh-hoạt của đồng bào Thượng lên bằng đồng bào Kinh.
Áp dụng mọi biện-pháp để nâng cao đời sống của đồng bào Thượng. Vận động đồng bào Thượng tham gia công cuộc cải tiến đời sống của họ.

Nhìn chung thì bản chính-sách trên rất tốt đẹp nếu chánh-quyền đương thời áp dụng trong một kế-hoạch qui-mô và đúng đắn. Nhưng cho

tới khi nền đệ I Cộng-Hoà sụp đổ, vấn đề "đồng bào Thượng" vẫn chưa có gì được cải tiến. Mặc dầu, thời bấy giờ Nha Công-Tác xã-hội miền Thượng đã căn cứ vào bốn chính sách này để hoạch định rất nhiều kế-hoạch, dự án và chương-trình nhưng không hề được trung-ương cứu xét và cho thực hiện. Chẳng những vậy, Nha Công-Tác Xã-hội miền Thượng trực thuộc Phủ Tổng-thống còn bị đưa ra tận Huế để dần dần trở thành một cơ quan hoạt-động vô đường hướng. Trong khi miền Cao-nguyên đang là một bàn đạp để Cộng-sản thôn tính trong kế hoạch xâm-lãng miền Nam cùng như thực dân Pháp coi như một lãnh địa cần được ưu tiên gây ảnh hưởng trong mưu đồ trở lại Đông-Dương. Chính-phủ Ngô Đình Diệm vẫn không ý-thức được tầm quan trọng của Cao-Nguyên trên các địa hạt chính-trị, quân sự, kinh-tế... chỉ với một Nha Công-tác xã-hội miền Thượng mà hoạt-động duy nhất là điều hành trung-tâm huấn-luyện cán bộ Thượng, làm sao mà có thể giải-quyết được những vấn đề rất quan-trọng và tế nhị của đồng bào các dân-tộc thiểu số. Hậu-quả của một đường lối yếu kém lại không phù hợp với nguyện vọng và quyền-lợi của đồng bào Thượng là ngay sau khi Cộng-sản miền Bắc phát-động cuộc xâm-lãng miền Nam, miền Cao-nguyên đã chịu một áp-lực quân sự nặng nề nhất với sự hỗ trợ của "Mặt trận Tây-Nguyên Tự Trị" do chính các Thượng cộng tập kết trở về lãnh đạo. Sau đó không lâu, khi nền Đệ I Cộng-Hoà sụp đổ, chánh quyền đệ II Cộng hoà lại phải đối phó với phong trào Fulro, một phong-trào vô trang bạo động do Ngoại-bang giật dây.

Tóm lại, vì những quyết định độc đoán quá hấp tấp, công việc huấn-luyện cán-bộ để thực thi chánh sách Thượng-vụ thiếu hoàn-mỹ. Cao-nguyên không được coi là một thí điểm để phát-triển. Trái lại, người ta có cảm nghĩ rằng, vùng Cao-nguyên chỉ là nơi lưu đày của những thành phần bất hảo. Sự việc đó đã gây nên những nghi kỵ, xung-đột to lớn giữa đồng bào Kinh, Thượng. Chính sách "Dân tộc Hoà" của chánh-quyền Ngô-Dinh-Diệm trên lý-thuyết được coi là tiên-bộ, nhưng công việc áp dụng trên thực-tế vô hình chung đã gây nên những bất mãn trong giới đồng bào các dân tộc thiểu-số, vì những lỗi lầm ngay trong căn bản, Về chính sách "Dân-tộc-Hoà" của chính-quyền Ngô-Dinh-Diệm, ông Y-CHON MLO

DUỖN DU một nhân sĩ Thượng hiện là Tổng thư ký bộ Phát-Triển Sắc-tộc đã đưa ra một nhận xét như sau : "Chu-trưởng đoàn-kết của ông Diệm đã trở thành một nguyên-nhân chia rẽ thật sự và các công tác xã hội cho đồng bào Thượng do chính quyền Diệm đề ra trở nên công tác bời Thượng bởi những hành-động và quyết-định độc đoán..."

MỤC II : HIỆN-TRẠNG CỦA CÁC GIẢI-PHÁP THƯỢNG-VỤ HIỆN ĐANG ÁP-DỤNG TẠI VIỆT-NAM,

Đoạn I : Chính-sách "Dân-Tộc Hoà-Đồng Đồng-Tiến" của miền Nam.

Sau khi chế-độ Ngô-Đình Diệm sụp đổ, vấn đề Thượng cũng đã biến chuyển theo một chiều hướng mới. Những rối loạn chính-trị thường-xuyên đột biến trong những năm hậu Cách-Mạng 1-11-63, gây nên những ảnh hưởng bất lợi trên mọi sinh-hoạt Quốc-gia. Các chính-phủ kế tiếp hầu như đặt hết trọng tâm vào việc giải-quyết các biến cố chính-trị, mặt khác lo củng-cố hàng ngũ để đối phó với Cộng sản xâm lăng đang lợi-dụng thời cơ mưu toan thôn tính miền Nam. Trong khi chưa có một giải-pháp thích ứng để giải-quyết toàn bộ vấn đề Thượng thì xảy ra cuộc tranh-đấu

của đồng bào Thượng. Cuộc tranh đấu bạo động đi đến chỗ gay go, quyết liệt với các biện-cố đẫm máu tại buôn Sarpa rồi Phú-Thiện do một số dân-sự chiến-đấu Thượng gây ra cùng sự thành hình của phong-trào FULRO. Chính phủ đã phải liên tiếp nhượng-bộ và đưa ra những giải-pháp nhất thời hầu thoả mãn những yêu sách của phong-trào. Cho đến nay, vấn-đề Thượng được tạm thời ổn định. Phong trào FULRO tự nguyện chấm dứt mọi hoạt-động và toàn thể lực lượng đã ra trình diện về hợp tác với Chánh-phủ trong danh dự ngày 1-2-1969.

Diễn trình vấn đề Thượng trong nền đệ II Cộng hoà qua 2 thời-kỳ : thời kỳ chuyển tiếp và thời kỳ từ khi ban hành Hiến-pháp 1-4-1967.

1/- Thời kỳ chuyển tiếp.

Sau cách-mạng 1-11-1963, vấn đề Thượng lại được đặt ra, các lãnh-tự Thượng bị chính-quyền Diệm giam cầm được trả tự do và trọng đãi. Nhiều cuộc hội thảo và tiếp xúc hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp với các nhân vật có uy-tín của đồng bào Thượng được tổ-chức. Mục-đích là tìm một biện-pháp thoả đáng để giải-quyết toàn bộ "Vấn đề Thượng". Cuộc bạo động của phong-trào Fulro tại Banmethuot rạn ngày 20-9-1964 đã đặt các chánh-phủ vào một tình trạng lúng túng trong việc tìm một đường hướng và chính-sách đối với đồng bào Thượng. Diễn hình cho sự lúng túng đó là thay đổi vị trí thống thuộc của cơ quan Thượng-Vụ.

Nha Công-Tác Xã-Hội miền Thượng dưới thời chánh-quyền Ngô-Đình-Diệm trực thuộc phủ Tổng-Thống, trụ sở đặt tại Huế. Sau Cách-mạng, chính-phủ Nguyễn-Ngọc-Thổ tiếp tục đặt cơ quan này trực thuộc Phủ Thủ-Tướng ngày 11-11-1963. Nhưng chỉ hai ngày sau (13-11-1963), Hội-đồng Nội-Các họp quyết định đưa sang Tổng Nha Xã-Hội. Sau cuộc chỉnh lý 30-1-1964, Nha Công-Tác miền Thượng đứng nhiên trực thuộc Bộ Xã-Hội hậu thân của Tổng Nha Xã-Hội. Nghị định số 911/QP ngày 5-5-1964 cải biến Nha Công-tác Xã-Hội miền Thượng thành Nha Đặc-Trách Thượng Vụ trực thuộc Bộ Quốc Phòng và dời trụ sở của Nha này từ Huế vào Saigon.

Tháng 9-1964, nhân vụ bạo động của nhóm FULRO tại buôn Sarpa

(Banmethuot) Thủ-Tướng Nguyễn-Khánh vội vàng ký Nghị định số 1935-TTF/VF ngày 7-10-1964 đặt Nha Đặc trách Thượng Vụ trực thuộc trở lại Thủ-Tướng. Sau đó, vào ngày 17-10-1964 một Đại hội các Sắc-tộc Thượng đã được tổ-chức tại Pleiku để tìm hiểu và giải-quyết một số nguyện-vọng cần-thiết của đồng bào Thượng. Đại diện các Sắc-tộc đều cởi mở trình bày nguyện-vọng và những thỉnh nguyện của Đại-hội được Thủ-Tướng Nguyễn-Khánh giải-quyết tại chỗ những điểm có thể thoả-mãn được. Đại hội cũng đã đúc kết một bản nguyện vọng đệ trình lên Thủ-Tướng Chánh-phủ và gồm có hai điểm chính yếu sau :

- 1- Xin ban hành một chính sách đặc biệt dành cho đồng bào Thượng dựa trên căn-bản dân-tộc bình đẳng, tôn trọng phong-tục tập quán và dành cho đồng bào Thượng những đặc ân nâng đỡ để chóng tiến bộ.
- 2- Xin có một cơ quan thẩm quyền phụ trách vấn đề Thượng vụ và để đồng bào Thượng được trực tiếp điều-khiển cơ quan này.

Một chính sách Thượng vụ cũng được công-bố ngay trước đại-diện các sắc tộc dựa trên những căn-bản sau :

- 1- Kinh, Thượng đoàn kết và bình-dẳng thật sự.
- 2- Tôn trọng phong tục, tập quán của đồng bào Thượng.
- 3- Đặc biệt nâng đỡ đồng bào Thượng theo kịp đà tiến-bộ của Dân-tộc.

Căn cứ vào tinh thần căn-bản của chính-sách nêu trên, Chánh-Phủ Nguyễn-Khánh đã đặc biệt công nhận và thi hành một cách cụ-thể một số biện-pháp nâng đỡ đồng bào Thượng.

Ngày 29-7-1965, lực lượng ly khai FULRO lại một lần nữa đột nhập vào trại Dân-sự chiến đấu Buôn Friêng. Nội các chiến tranh đã có thái độ quyết-liệt và cuộc dàn xếp đã diễn ra. Trong bản thông cáo gửi cho ông Y-BHAM-ENUOL lãnh-tụ Fulro, Thiệu-Tướng Nguyễn-Cao-Kỳ Chủ-Tịch Ủy-Ban Hành-Pháp Trung-ương đã kêu gọi "Chính-phủ long trọng xác nhận ý-chí sẽ tiếp tục thực hiện những điểm trong chương-trình đã thoả hiệp với đại diện các sắc dân Thượng tại Pleiku hồi tháng

16/1964, chính-phủ sẵn sàng dành cho anh em mọi địa vị xứng đáng trong cơ cấu Quốc-gia".

Đồng thời, sau đó Nội-Các Chiến-Tranh đã đề ra "chính-sách Dân-Tộc Hoà-đồng Đồng-tiến" trong tinh-thần Quốc gia thống nhất và sắc-lệnh số 21/SL/HD/VP ngày 22.2.1966 nâng Nha Đặc-trách Thượng-vụ lên hàng Phủ Đặc-Ủy Thượng vụ, trực thuộc Phủ Chủ-Tịch Ủy-Ban Hành-Pháp Trung-ương. Chính sách "Dân tộc Hoà-đồng Đồng tiến" ngoài những biện-pháp đặc biệt nâng đỡ đồng bào các dân-tộc Thiểu số phát-triển về mọi mặt hầu tiến kịp đồng bào Kinh ; còn xác nhận lại ý-chí Hoà-đồng Dân-tộc của toàn thể đồng bào không phân biệt Kinh, Thượng. Chính-sách "Dân tộc Hoà-đồng Đồng tiến" được xây dựng nền móng trên những yếu-tố căn-bản sau :

1- Dân-tộc Việt-Nam là một dân-tộc hợp nhất, tuy được kết hợp bởi nhiều sắc dân, nhiều giòng họ, nhưng trong lịch-sử các sắc tộc đã liên-kết chặt chẽ để đấu-tranh bảo vệ, xây-dựng đất nước, trong hiện tại được ràng buộc nhau về quyền-lợi và trách-nhiệm đối với tiền đồ Quốc-gia.

2- Quốc-gia Việt-Nam là một Quốc-gia thống-nhất, có một chủ quyền duy nhất.

3- Tất cả mọi công-dân Việt-Nam Kinh hay Thượng đều có nhiệm vụ đoàn-kết, xây-dựng và bảo-vệ Quốc gia Việt-Nam.

Để kết luận, chúng ta có thể trích một đoạn trong Huấn-Thị ngày 15-9-1965 của Thiếu-Tướng Nguyễn-Cao-Kỳ, Chủ-Tịch Ủy-Ban Hành-Pháp Trung-ương đã diễn tả trọn vẹn từ căn-bản chính sách "Dân-Tộc Hoà-đồng Đồng tiến" của Nội-Các Chiến-Tranh "Giang-sơn này là giang sơn chung của toàn dân ta Kinh cũng như Thượng : Quốc gia này là quốc gia chung của chúng ta, Kinh hay Thượng, chúng ta đều có quyền-lợi và nghĩa vụ như nhau. Nghĩa vụ và quyền-lợi ấy ^{đôi} chúng ta phải luôn luôn sát cánh đoàn kết, vì đoàn kết là sống, chia rẽ là chết."

2/- Thời kỳ hiện tại.

a)- Hiến-pháp Việt-Nam Cộng-Hòa I-4-1967.

Cuộc bầu cử Quốc-Hội Lập hiến năm 1966 đã dành cho các Sắc tộc thiểu số Cao-nguyên Nam Bắc 8 ghế đại diện dân cử (không kể người Việt gốc Miên), sau một thời gian Hiến-pháp I-4-1967 được ban hành với những điều khoản đặc biệt đề cập đến các sắc tộc thiểu số tại Việt-Nam.

Ngay chương đầu tiên, Hiến-pháp đã nêu lên những điều khoản căn bản xác định một cách minh bạch về vai trò của các dân-tộc thiểu số trong Cộng-đồng Quốc-gia Việt-Nam. Điều 2, khoản 2 Hiến pháp I-4-1967 quy-định :

"Quốc gia chủ-trương sự bình-đẳng giữa các công-dân không phân biệt Nam nữ, tôn giáo, sắc tộc, đảng phái. Đồng bào thiểu số sẽ được đặc biệt nâng đỡ để theo kịp đà tiến hoá chung của dân-tộc".

Đồng thời Hiến-pháp Việt-Nam Cộng-Hòa cũng dành trọn điều 24 tạo một khung cảnh hiếu tính thuận-lợi cho việc cải tiến đối với các sắc tộc thiểu số.

- 1- Quốc gia công nhận sự hiện hữu của các sắc tộc thiểu số trong cộng-đồng Việt-Nam.
- 2- Quốc gia tôn trọng phong tục tập quán của đồng bào thiểu số, các toà án phong tục phải được thiết lập để xét xử một số các vụ án phong tục giữa các đồng bào thiểu số.
- 3- Một đạo luật sẽ qui định những quyền-lợi đặc biệt để nâng đỡ đồng bào thiểu số.

Ngoài ra, Hiến-pháp cũng thiết-lập một định-chế đặc-biệt "một Hội-đồng các Sắc-tộc Thiểu-số được thành lập với tư-cách tư vấn để giúp đỡ Chính-phủ về những vấn đề liên quan tới đồng bào thiểu-số". Điều 97 quy-định nguyên văn như sau :

- 1- Hội đồng các sắc tộc Thiểu số có nhiệm vụ cố vấn chính-phủ về các vấn đề liên quan đến đồng bào thiểu số.
- 2- Với sự chấp thuận của Quốc-Hội, Hội-đồng các sắc tộc Thiểu số có thể cử đại diện thuyết trình trước Quốc-Hội về các vấn đề liên hệ.

3- Các dự luật liên quan đến các sắc tộc thiểu số có thể được Hội đồng các sắc-tộc tham gia ý-kiến trước khi đưa ra Quốc-Hội thảo-luận.

b)- Từ sắc-luật 33/67 đến sự hình thành Bộ Phát-Triển Sắc-Tộc.

Cho đến thời gian này, vấn-đề Thượng tướng-đối ổn định. Chính quyền đã dàn xếp ổn thoả phong-trào tranh-đấu của đồng bào Thượng trong bản thông cáo chung ký ngày 2-5-1967, ông Y-Bham lãnh-tụ Fulro đã cam-kết : "Nhóm Fulro nguyện chấm dứt hoàn toàn mọi chủ-trướng và hành-động phướng hại đến quyền-lợi tối cao của tổ-quốc, trở về toàn diện để phục vụ Quốc-gia Dân-Tộc sau khi chính-phủ ban hành sắc-luật quy-chế riêng biệt".

Tháng 6/1967 một đại-hội các Sắc-tộc thiểu-số được tổ-chức tại Pleiku ; với mục-đích chứng tỏ cho đồng bào thiểu-số và nhất là lực-lượng Fulro thấy rằng chánh-phủ luôn luôn tôn trọng và nghiêm chỉnh thi-hành những điều đã cam-kết, một phái đoàn FULRO tử hậu-cử cũng được phép về tham-dự Đại-hội, mà là một phái đoàn lớn nhất chiếm ưu thế tại Nghị trường, trong các Ủy-Ban, Chủ-tịch đoàn và thư ký đoàn của Đại-hội. Vấn đề một quy-chế riêng biệt cho đồng bào thiểu số đã được các phái đoàn tại Đại hội đồng bày tỏ lập trường thỉnh nguyện chính-phủ sớm ban hành để có thể tạo một sinh thái sống động và đoàn kết nơi đồng bào các dân tộc thiểu số.

Trước nguyện vọng tha-thiết của đồng bào các sắc-tộc thiểu số ngày 29-8-1967 Chủ-tịch Ủy-Ban Lãnh Đạo Quốc gia Nguyễn-văn-Thiệu đã đích thân lên Ban-Mé-Thuật ký Sắc-luật số 033/67 ban hành Quy-chế riêng biệt cho đồng bào thiểu số và số 034/67 công nhận quyền sở hữu đất đai của đồng bào Thượng. Với hai sắc-luật được ban hành, chánh-phủ đã đáp ứng được những nguyện-vọng thiết tha của đồng bào thiểu-số toàn quốc từ nhiều năm qua.

Hội-dung sắc-luật số 33/67 gồm những điều-khoản sau :

- Xúc tiến việc thành-lập Hội-đồng các Sắc-tộc.

- Nâng cơ quan đặc-trách về đồng bào thiếu-số lên hàng cấp Bộ trong Chánh-phủ.
- Công chức người thiếu-số được bổ nhiệm vào các chức vụ tương xứng với khả-năng và được hưởng những điều-kiện rộng rãi trong các kỳ thăng thưởng.
- Thanh-niên Thượng sẽ được gia nhập những lực-lượng an-ninh địa phương và được giảm điều-kiện văn-bằng để theo học các trường sĩ quan, thành lập trường thiếu-sinh-quân Cao-nguyên đầu nhận trẻ em người thiếu số.
- Tôn trọng quyền sở hữu đất đai của đồng bào Thượng, phát-triển nông-nghiệp, thương-nghiệp và Công kỳ nghệ.
- Thực hiện những chương-trình cải-tiến dân sinh.
- Phát-triển giáo-dục bằng cách nâng đỡ học sinh và sinh viên thiếu số trong vấn đề ăn học và trong các kỳ thi lấy văn-bằng. Dạy thổ ngữ tại bậc tiểu học.
- Thành-lập viện Bảo-tàng nhân-chủng và Viện Nghiên-cứu Sắc-tộc.
- Tái lập Toà án phong-tục.

Để thoả mãn nguyện vọng của đồng bào thiếu số muốn có một cơ quan đầy đủ thẩm quyền điều hành một vấn-đề đa diện rất phức tạp.

Ngày 9-11-1967 Phủ Đặc-Ủy Thượng Vụ đã được nâng lên thành Bộ Phát-Triển Sắc-Tộc do một Tăng-Trưởng người thiếu số thuộc bộ lạc Bahnar là ông Paul-NUR điều-khiển.

Vai trò của Bộ Phát-Triển Sắc-tộc trong việc điều hành các vấn-đề thượng-vụ trong chính sách "Dân-Tộc Hoà-đồng Đồng tiến" đã trở nên rất quan trọng của sinh-hoạt Cộng-đồng Dân-tộc.

- Trên địa hạt Bình-định xây-dựng, ngành Phát-Triển Sắc-tộc liên-hệ mật-thiết với Bộ Xây-dựng trong chương-trình xây-dựng Sơn-Thôn. Trên lãnh-vực Quốc-Phòng, Bộ Phát-Triển Sắc tộc có thể tham gia tích-cực vào các kế-hoạch tăng cường quân số, vũ-dụng, điều động các đơn-vị và quân nhân Thiếu số cho phù hợp với khả-năng và nhất là phong-tục,

tập quán và thực trạng của từng địa-phương.

- Xử dụng người có khả-năng, chấn-chỉnh guồng máy Hành-chánh, huấn-luyện nhân viên Hành chánh hạ tầng cơ sở, tổ-chức bầu cử các cấp, phát-triển tổ-chức Nhân dân Tự vệ...

- Công-tác với các ngành liên-hệ trên các địa hạt văn hoá, kinh-tế, xã-hội, y-tế, Lao-động, Cải-cách Điền địa... trong chương trình phát-triển Dân sinh, nâng cao Dân trí cho đồng bào thiếu số.

Đoạn II : Chế-độ "Khu-Bộ Tự-Trị" tại miền Bắc.

Chính sách của nhà cầm quyền miền Bắc đối với đồng bào thiếu số đã được hoạch định trong báo cáo trước khoá họp Quốc-Hội lần thứ 4 vào tháng 3-1955 như sau :

"...lập các khu Tự-Trị của các dân-tộc Thiếu số để cho các dân tộc ấy dưới sự lãnh đạo thống-nhất của chính-quyền trung-ương được quyền tự định đoạt lấy các công việc nội bộ của địa phương mình".

Kiến-pháp của Bắc-Việt cũng có một điều khoản dành riêng cho đồng bào thiếu-số.

"...mọi công dân đều có quyền bình-đẳng, họ được tự do phát-triển và dùng các ngôn-ngữ chính của họ, họ có quyền duy-trì hay sửa đổi các phong-tục, tập-quán của họ. Chế-độ của các vùng tự-trị được thiết-lập và áp dụng tại các miền có đồng bào thiếu số sinh sống và các khu-vực tự trị này sẽ không được trở nên độc-lập hẳn hoặc tách rời ra khỏi nước Việt-Nam Dân-Chủ Cộng-Hoà".

Như vậy, chúng ta có thể biết được nhà cầm quyền miền Bắc đã có một chế độ rõ rệt đối với các dân-tộc thiếu số. Đó là sự thiết lập chế độ các khu-vực tự-trị. Danh từ "khu vực Tự trị" xem ra có vẻ hấp dẫn đối với đồng bào các dân tộc thiếu số. "Tự-trị" có thể được coi như là một giải thoát của các dân-tộc thiếu-số vốn đã phải chịu nhiều thiệt thòi đối với dân-tộc đa số trong một Quốc-gia ? Danh xưng xét từ nguyên ngữ thì thật là lợi cuốn, thoả mãn những nguyện vọng thiên miên của các dân-tộc thiếu số luôn luôn chờ mong một sự sửa đổi đời toàn diện. Nếu quan-niệm

như thế, chúng ta có thể biết hơn là nhà cầm quyền miền Bắc thật tình muốn nâng đỡ và cải hoá nếp sinh-hoạt còn quá thấp kém của đồng bào các dân-tộc thiểu số, một mặt khác lại giữ được tính cách tôn trọng tuyệt-đối những sinh thái riêng biệt về phong-tục, tập quán... của đồng bào các dân-tộc thiểu số.

Việc thành-lập các khu-vực Tự trị tại miền Bắc trên phương-diện địa dư được chia ra làm 2 khu-vực :

1- Vùng Tự trị Thái-Mèo.

Thành-lập năm 1955 bao trùm xứ Thái cù, lấy Sơn-La làm thủ-phủ, Vùng Tự-trị Thái-Mèo có một Quốc-hội thiểu số, về Hành-Pháp có một Chủ-tịch do dân bầu và một Hội đồng Hành-Chánh gồm 10 Đại diện Thái, 5 đại diện Mèo, 2 Mường, 1 Mán, 2 Kinh và 5 đại diện các sắc-dân khác.

2- Vùng tự trị Việt-Bắc.

Được thành-lập năm 1956 gồm Vùng Cao-Bắc-Lạng, năm 1957 có thêm 3 Tỉnh Lào-Cay, Yên-Báy, Hà-Giang lấy Thủ phủ là Thái-Nguyên Năm 1959, Lào-Cay Yên-Báy lại trực thuộc về Hà-Nội nên vùng tự trị Việt-Bắc chỉ còn Cao-Bắc-Lạng và thêm tỉnh Hà-Giang mà thôi. Quy-chế Tự-trị cũng tương tự như vùng Thái-Mèo. Đồng bào thiểu số miền Bắc được dành một số ghế trong Quốc-hội. Ngoài ra còn có một Ủy-Ban mệnh danh là Ủy-Ban Dân-Tộc Trung-ương do Thượng-Tướng Chu-văn-Tấn người sắc dân Tây làm Chủ tịch, quyền hạn tương đương một Bộ, có nhiệm vụ lãnh đạo và kiểm soát các vùng tự trị trong nước.

Về đường lối lãnh đạo và những sinh-hoạt trong các khu-vực tự trị tại miền Bắc tuy tài-liệu tham khảo không được đầy đủ, nhưng cũng có thể tóm lược những đặc điểm chính chính yếu sau do chính Thượng-Tướng Chu-văn-Tấn viết trong nguyệt san Học tập, Tạp chí lý-luận và chính-trị của Đảng Lao-động Việt-Nam, số 7/1963.

1- Hành-chánh

"Chính-quyền các cấp trong khu tổ-chức theo chế-độ tập trung dân chủ, chế-độ Hội đồng Nhân Dân và Ủy-Ban Hành-chính, bảo đảm

đoàn-kết, bình đẳng dân-tộc, đoàn-kết các vùng bằng những quy-định, điều-lệ của khu Tự Trị. Khu Tự Trị có 4 cấp là khu, Tỉnh, Huyện và Xã. Đơn vị nào có phạm vi Hành chánh ngang Tỉnh hoặc Huyện thì gọi là Tỉnh hoặc Huyện tự trị. Chánh quyền cấp Tỉnh, Huyện, Xã trong khu Tự-trị đều có quyền hạn và nhiệm vụ như những đơn vị tương đương ở nơi khác".

2- Chính-Tri

"Nhân dân các dân-tộc Thiểu-số được hưởng quyền tự do dân-chủ, bình đẳng về quyền-lợi và nghĩa vụ với nhân dân cả nước. Vì vậy mọi hoạt-động của khu Tự-Tri đều phải phù hợp và nhằm thực hiện đường lối, chính-sách chung của Đảng và Chính-phủ. Nhưng để việc vận-động đường lối, chính sách chung được phù hợp với đặc điểm của địa phương, khu Tự trị có thể dựa vào Luật pháp chung, căn cứ vào tình hình trong khu mà đề ra các chế độ thể lệ riêng nhằm nâng cao trình độ giác ngộ của nhân dân, phát-huy mọi khả-năng để xây-dựng khu Tự Trị ngày thêm giàu mạnh. Các cơ-quan chính-quyền trong khu Tự-Tri được dùng tiếng nói và chữ viết của dân-tộc thiểu-số hoặc thứ chữ và tiếng nói nào thông dụng nhất để tiến-hành các công việc hành-chính của khu Tự-Tri, được dùng các biện-pháp cần thiết để đào tạo và bồi dưỡng cán-bộ địa phương".

3- Kinh-Tế

"Theo đường lối, chính-sách chung và nhiệm vụ, chỉ tiêu của Nhà Nước, khu tự trị được xây-dựng và phát-triển kinh-tế quốc-doanh địa phương, như mở mang xí-nghiệp, lâm trường, nông trường, trại giao thông, mở-mang chuyên-môn, thương nghiệp...; xây-dựng kinh-tế tập thể Hợp tác-xã và kinh-tế phụ gia-đình để đẩy mạnh sản xuất; xây-dựng những trung-tâm kinh-tế, văn-hóa, thị-trấn, thị xã... để phát-huy tác-dụng của công nghiệp đối với nông-nghiệp, thành thị đối với nông thôn, dân-tộc tiên tiến đối với dân tộc chậm tiến, vùng thấp đối với vùng cao, vùng nội địa đối với vùng biên giới."

"Về thương nghiệp, tài chính cần có quy-định linh-hoạt bảo đảm đẩy mạnh sản xuất, phát-triển lưu-thông, gây phấn-khởi trong quần-chúng, thắt chặt quan-hệ giữa nhân dân các dân tộc với các cơ quan nhà nước. Việc thu mua nông lâm sản, phân-phối hàng hóa, quản-lý thị trường cần phải có

những quy-định phù hợp với chính-sách dân-tộc, vừa khởi được các nguồn hàng, vừa thuận tiện cho nhân dân, vừa chống được bọn đầu cơ."

Bản Báo cáo chính-trị của Ban Chấp-Hành Trung-ương Đảng trước đại-hội lần thứ 3 còn hoạch định một cách rõ ràng hơn về vấn-đề khai thác và tận dụng những tài-nguyên phong-phú miền Núi :

"Nền kinh-tế mà chúng ta xây-dựng ở miền Núi sẽ giúp nâng cao không ngừng mức sống vật-chất và văn hoá của đồng bào miền Núi, đồng thời sẽ bổ dụng cho kinh-tế miền xuôi, thúc đẩy sự phát-triển kinh-tế miền xuôi, góp phần rất quan trọng vào công cuộc xây-dựng cơ sở vật-chất và kỹ-thuật của chủ-nghĩa xã-hội ở miền Bắc".

4- Quân-Sự

"Khu Tự Trị được tổ-chức bộ đội địa phương, công-an, dân quân tự vệ, quân dự bị, làm nhiệm vụ giữ gìn trật tự, trị an địa phương. Những lực lượng quân sự, trị an đó phải thuộc quyền chỉ-huy của Bộ Quốc-Phòng Tổng tư lệnh và Bộ Công-An".

5- Văn-Hoá, Giáo-Dục

"Để nâng cao trình-độ văn-hoá cho nhân dân các dân-tộc, khu Tự Trị có thể định ra chữ viết cho một số dân tộc, dân tộc nào không có chữ riêng thì dùng chữ nào thông dụng nhất trong khu Tự-Trị. Chữ dân tộc cần được dùng trong các trường phổ thông và chuyên nghiệp. Khu Tự-Trị được mở trường Đại-học, Học-viện dân-tộc, lập nhà bảo tàng khai thác và phát triển vốn văn hoá dân tộc, tăng cường trao đổi văn hoá giữa miền Núi và miền xuôi. Khu Tự trị có thể đề ra những điều-kiện cần thiết, vận-động quần chúng xây-dựng nếp sống mới cải tiến phong-tục, tập-quan, nâng cao cái hay, bỏ dần cái có hại, đẩy mạnh phong-trào vệ-sinh phòng bệnh, phát-triển thể thao dân-tộc..."

6- Luật pháp: "Khu Tự-trị có thể dựa vào Luật-pháp chung, căn-cứ vào tình-trạng trong khu mà đề ra các chế-độ thể-lệ riêng nhằm nâng cao trình-độ giác ngộ của nhân dân". "Ngoài ra, cấp khu còn nhiều nhiệm-vụ khác nữa như dựa vào luật pháp nhà nước mà nghiên-cứu những điều-lệ phụ về việc thi hành luật hôn-nhân và gia-đình, chế-độ Thuế v.v... cho sát với từng Vùng, từng dân-tộc."

CHƯƠNG II

SƠ SÁNH HAI GIẢI PHÁP THƯỢNG-VỤ HIỆN ĐANG ÁP DỤNG TẠI VIỆT-NAM

Sau hiệp định Genève 1954, lãnh-thổ Việt-Nam bị qua-phân thành 2 miền. Miền Bắc dưới sự thống-trị của Đảng Lao-Động Việt-Nam, một tổ-chức của Cộng-sản Quốc-tế. Miền Nam đeo đuổi một lý-tưởng dân-chủ, tự do. Vấn-đề tổ-chức các guồng máy công-quyền cũng như sách lược cai-trị, lãnh đạo giữa hai miền thể hiện những lý-tưởng khác biệt.

Trên phương diện một đường lối áp dụng cho các vấn đề Thượng-vụ, chúng ta được biết, hiện nay nhà cầm quyền Bắc-Việt đã cho thiết-lập một chế độ mệnh danh là "khu-Bộ tự-trị" để áp dụng cho vùng Thượng-du Bắc-Việt. Trong khi đó, chính-phủ Việt-Nam Cộng-Hoa đã thực hiện một chính-sách "Dân-Tộc Hoà-đồng Đồng-Tiến" nhằm mục-đích nâng cao đời sống của đồng bào các dân-tộc Thiểu số hầu có cơ-hội phát-triển theo kịp đà tiến hoá chung của dân-tộc.

Đứng trên phương diện khách quan làm công việc so sánh những ưu, khuyết điểm của hai giải-pháp Thượng-Vụ tại hai miền. Thiết tưởng chúng ta cũng cần duyệt xét sơ lược những nguyên-nhân, lý do mà nhà cầm quyền miền Bắc đã thiết lập một chế độ tự trị cho các sắc dân Thiểu số vùng Thượng du và sự cần thiết của một chính sách Hoà-đồng Dân-Tộc tại miền Nam.

Đi tìm những nguyên-nhân mà nhà cầm quyền miền Bắc đã cho thiết lập một chế độ tự trị tại vùng Thượng du Bắc-Việt, chúng ta có thể ghi nhận được :

1- Nguyên nhân Lịch-sử : Ngay từ các Triều đại Quân-chủ, vùng Thượng-du Bắc-Việt đã được hưởng một chế-độ tự trị rộng rãi. Chính-sách của nhà Nguyễn đối với các sắc dân Thiểu-số miền Bắc là một chính sách "an dân". Đồng bào Thiểu số có quyền tự quản trị lấy tất cả những

công việc nội-bộ trong phạm vi quản hạt của mình miền là đứng gậy rổi, cướp phá những vùng lân cận. Hàng năm chỉ phải giữ lệ triều cống cho Triều đình để tỏ lòng thần phục mà thôi. Đến thời Pháp thuộc, người Pháp cũng thiết lập tại vùng Thượng du Bắc Việt những khu Tự-Trị, mỗi khu bao gồm một sắc dân riêng. Người Pháp chỉ giữ một vai trò giám-hộ rất khiêm-nhượng trong sinh hoạt của đồng bào các sắc dân Thiểu số.

2- Nguyên-nhân chính trị : các vị Quan Lang hay Tù Trưởng tại các Bộ lạc dân Thiểu số vùng Thượng du Bắc-Việt rất có uy-tín và quyền hành to lớn đối với tất cả sắc dân. Nhà cầm quyền Trung ương chỉ cần gây ảnh hưởng với các vị Quan Lang hay Tù Trưởng này là có thể điều động dân chúng vào một đường lối cai trị chung.

Theo một diễn trình suy-diễn tương tự, chúng ta cũng có thể ghi nhận được những nguyên-nhân mà chính-quyền miền Nam đã thực hiện một chính-sách Hoà-đồng Dân-tộc đối với đồng bào các dân-tộc Thiểu số.

1- Nguyên-nhân Lịch-sử. Dưới các triều đại Quân-chủ, Cao-nguyên miền Nam đã chịu một sự kiểm soát khá chặt chẽ của Triều đình. Các chính sách Thượng vụ dưới các Triều đại Vua Chúa ngày xưa chỉ nhằm vào Cao-nguyên miền Nam. Thời đó Triều đình đã có tổ chức những lễ lồi Hành chánh, Quán-sự, Kinh-tế... do các quan lại người Kinh đem thực hiện. Khi người Pháp đặt nền đô hộ tại Việt-Nam, với dụng ý tách rời Cao-Nguyên miền Nam ra khỏi lãnh thổ Việt-Nam để lập thành một Liên-Bang của Pháp nên họ đã tổ chức một nền Hành chánh, Quán sự, Kinh-tế... rất qui-mô bởi các viên quan lại người Pháp.

2- Nguyên-nhân Chính-Trị. Người ta được biết, Cao-Nguyên miền Nam hiện có trên 30 sắc dân lớn nhỏ cách biệt, không một nhân vật nào có thể gây uy-tín một cách rộng rãi trên toàn thể các sắc dân. Do vậy, sự tự quản trị không thể thực hiện nổi. Hơn nữa, hiện nay miền Nam đang phải chịu một cuộc chiến tranh xâm-lăng của Cộng sản miền Bắc. Vùng Cao-nguyên đang là một mục tiêu xâm-lăng cũng như chịu sự dòm ngó của ngoại bang. Cao-nguyên miền Nam không những giữ một vị-trí chiến lược quan trọng mà lại còn đóng vai trò cốt cán trong sinh hoạt kinh-tế quốc-gia.

Sau khi kiểm điểm một vài nguyên-nhân chính đưa tới vấn-đề nhà cầm quyền Nam, Bắc thực hiện những đường-lối khác biệt trong công tác Thượng-vụ. Chúng ta có thể đưa ra những nhận xét về những ưu, khuyết điểm của chế độ "khu bộ tự trị" tại miền Bắc cũng như chính sách "Hoà đồng Dân-Tộc" của miền Nam. Thật ra, khi nhận xét để rút tỉa những ưu khuyết điểm của một chế độ và một chính-sách của hai chính-phủ đứng trên giả tuyến của những căn-bản ý-thức-hệ đối chọi chúng ta đã gặp phải một công-tác vô cùng khó-khăn và tế nhị. Tuy nhiên, trên phương diện nhận thức khách quan một cách tổng-quát, chúng ta cũng có thể trình bày một phạm vi so sánh trong chiều hướng một tinh thần xây-dựng mà vấn-chẳng e ngại sẽ vấp vào những lỗi lầm đáng tiếc.

I. NHỮNG ƯU ĐIỂM CỦA CHÍNH SÁCH HOÀ ĐỒNG DÂN-TỘC VÀ CHẾ-ĐỘ KHU-BỘ TỰ-TRỊ.

1/- Những ưu điểm của chính sách "Dân-Tộc Hoà-Đồng Đồng Tiến"

Trên quan-niệm Hoà-đồng Dân-tộc chính sách Thượng-vụ mà chính-quyền Việt-Nam Cộng-Hoa áp dụng cho đồng bào các dân-tộc Thiểu số đã gây một ý-thức "trách nhiệm dân tộc" cao-độ nơi đồng bào bất phân chủng-tộc. Người dân trong quốc gia được hiến-pháp bảo vệ các quyền-lợi và xác định các nghĩa vụ một cách đồng đều, tất nhiên mang một trách-nhiệm đối với dân-tộc và quốc gia. Quan-niệm quốc gia là một khái-niệm chính-trị với những biên giới rõ rệt và một chính-quyền, tất cả dân cư sinh sống trên phần lãnh thổ đó đều là công dân của quốc gia không còn một ngăn cách nào về biên-giới lãnh-thổ hay chủng-tộc. Mọi người dân trong quốc gia ý-thức được một tiêu-chuẩn cộng-đồng như vậy hẳn không còn thờ ơ trước sự sống còn của quốc gia, tạo được sự hợp tác hỗ tương giữa các tầng lớp dân chúng trong công tác xây-dựng và phát-triển sinh-hoạt quốc gia.

Chính sách Hoà-đồng Dân-tộc tại miền Nam không những đã tạo được một sự bình đẳng, đoàn-kết giữa hai khối dân-tộc đa số và Thiểu số mà lại còn kết hợp được các sắc tộc Thiểu số sinh hoạt trong một đường lối thuận nhất, mặc dầu các sắc dân đó có ngôn-ngữ, phong tục tập quán

khác biệt. Trong quá trình lịch-sử và gần đây hơn nữa, chúng ta đã chứng kiến những xung-đột đẫm máu giữa các sắc dân Thiểu số tại nhiều quốc-gia trên thế-giới, nguyên-nhân là họ đã không được sinh-hoạt hay đại-ngộ bất đồng đều.

Nhờ ở sự kết hợp thuận-nhất trong một cộng đồng dân-tộc, công việc thực hiện những chính-sách, kế hoạch chung của quốc-gia được phát-triển đồng đều tại mỗi địa phương. Người công dân không phân biệt sắc-tộc, giai cấp đều có cơ-hội đóng góp đúng mức vào nỗ-lực xây-dựng quốc-gia.

Chính-sách "Dân-tộc Hoà-đồng Đồng-Tiến" nhằm mục đích chính yếu là nâng cao mức sinh hoạt của đồng bào Thiểu số, cải hoá những phong tục tập quán có hại trực tiếp đến đời sống của đồng bào Thiểu số. Trong một tinh-thần hoà-đồng, chính quyền còn có thể thực hiện được một sự sống chung hoà hợp giữa các khối dân chúng có một ngôn-ngữ, phong-tục tập quán khác biệt đem đến một sự "thích nghi văn hoá" nhằm đem lại tiến-bộ cho đồng bào thiểu số.

2- Những ưu điểm của chế độ "Khu Bộ Tự Trị"

Trước hết chúng ta có thể nhận định được rằng, chế độ Khu Bộ Tự trị" trên danh nghĩa có thể xoa dịu những tự ái huyết thống, chủng-tộc của các sắc dân Thiểu số. Người ta có thể suy luận rằng, một phương-thức hoà-đồng các sắc dân Thiểu số vào cộng đồng dân tộc bên cạnh khối đa số chỉ có tính cách giai đoạn, nhất thời. Lịch-sử tại nhiều quốc-gia đã ghi chép một phương-thức biệt-lập chủng-tộc của mỗi sắc dân mới có thể giải-quyết được tình trạng đa tạp về nhân chủng của một quốc gia.

Trong các "khu bộ tự trị", công việc điều-hành và quản trị các vấn đề nội bộ đều do mỗi sắc dân tự đảm nhiệm. Phương thức này đã đem lại những ích-lợi thực tiễn, chỉ có người mang "trách-nhiệm huyết thống" của mỗi sắc dân mới có thể thấu-triệt được những nhu-cầu, nguyện-vọng cũng như khả-năng đóng góp có những nét đặc-thù riêng biệt của sắc dân đó vào công-trình chung trên lãnh-thổ mà sắc dân đó có liên-hệ.

II. NHỮNG NHƯỢC ĐIỂM CỦA CHÍNH-SÁCH HOÀ-ĐỒNG DÂN-TỘC VÀ CHẾ ĐỘ KHU BỘ TỰ TRỊ.

1/- Những nhược điểm của chính-sách Hoà-Đồng Dân-Tộc.

Việc tạo lập một chính sách Hoà-đồng các sắc dân có ngôn-ngữ, phong-tục tập quán khác biệt trong một cộng-đồng Quốc-gia trên lý-thuyết được coi là lý-tưởng của những quốc gia có tình-trạng đa tạp về nhân-chủng. Công việc thực thi lại là một vấn-đề quan-trọng, mang đến nhiều vấn-đề rất khó giải-quyết. Chúng ta không mơ ước một khung cảnh mà các sắc dân có thể sinh sống hoà hợp một cách tuyệt-đối. Nhưng dù cho chính-sách có được thực hiện một cách uyển chuyển mềm dẻo, vấn đề xung-đột giữa các sắc dân vẫn là một điều khó tránh khỏi. Trước hết, việc xác-định một vai trò cho đồng bào các sắc tộc thiểu số trong một cộng đồng quốc gia bên cạnh khối dân-tộc đa số đã mang lại những đố kỵ khó giải-quyết thì công việc tạo dựng một thể đứng cho mỗi sắc tộc trong cộng đồng khối dân-tộc Thiểu số lại là một vấn đề nan giải hơn.

Tuy vậy chính sách Hoà-đồng Dân-tộc cũng dành nhiều ưu đãi về phương diện quản trị nội bộ cho khối đồng bào các sắc tộc Thiểu số. Những việc thực thi một chính sách chung của Quốc gia đã không thể nào tránh được những va chạm khó có thể dự liệu từ cấp Trung-ương. Sự việc này chẳng những gây ra những bất mãn có thể là một môi trường cho đối-phương hay các thế lực ngoại-bang khai thác mà lại chẳng mang đến một kết quả như dự hoạch định, đôi khi kết cuộc lại còn là những đố vố khó có thể phục hồi, hàn gắn.

2- Những nhược điểm của chế độ "Khu Bộ Tự Trị"

Việc thiết lập các "khu bộ Tự Trị" có thể là một con dao 2 lưỡi rất nguy-hiêm trong những công tác điều-hành toàn diện một chính-sách hay một đường lối chung của Quốc gia.

Cộng-sản thường dùng chiêu bài "đấu-tranh chủng-tộc" để lung đoạn các quốc gia có tình trạng đa tạp về nhân-chủng, chính chiêu-bài này lại là một tiêu-chuẩn đấu-tranh của các sắc dân tại các khu Tự-Trị.

Đặt ra ngoài những lợi ích về một sự tự trị rộng rãi, việc thiết lập các khu bộ Tự trị có thể là những mức ngăn cản không nhỏ trong việc thực thi một chính-sách Quốc gia cần tới sự đóng góp của toàn dân không phân biệt chủng-tộc. Lại nữa, sự tiến bộ bất đồng đều giữa các Khu Tự Trị cũng không cho phép chính-quyền Trung-ương có thể đề ra một chính sách, đường lối thích hợp với tình-trạng cục-bộ của mỗi địa phương.

Trên nguyên-tắc khi chấp thuận cho các khu Tự-Trị được thành-lập những lực lượng quân sự, an-ninh riêng, có thể đưa tới sự dung dưỡng cho những mầm mống chống đối nguy-hại đưa đẩy nhà cầm quyền Trung-ương vào một tình-trạng khó-khăn phải giải-quyết.

PHẦN TỔNG LUẬN

THƯ ĐỀ NGHỊ MỘT GIẢI PHÁP ĐỂ GIẢI QUYẾT VẤN-ĐỀ HÒA ĐỒNG DÂN-TỘC TẠI VIỆT-NAM

I. - VÀI Ý KIẾN VỀ CHÍNH SÁCH THƯỢNG VỤ HIỆN TẠI.

Mỗi quốc gia đều mang những sắc thái và yếu-tố cá-biệt trong vấn-đề Thượng vụ. Tất nhiên, những đường lối và chính sách để giải-quyết vấn-đề Thượng vụ cũng phải phù hợp với những sắc thái và đặc điểm khác biệt đó. Dĩ nhiên mục tiêu tối hậu đều đi tới một mục-dịch là hoà đồng các sắc dân Thiểu số vào với khối dân-tộc đa số.

Thiểu dân Âu-Châu là hậu-quả của vấn đề biên-giới địa-lý và văn-hoá qua những cục diện chiến-tranh và tranh-chấp biên giới mà thành. Tại các quốc gia này người ta đã áp dụng hữu hiệu một chính-sách bình đẳng về các phương diện hành-chánh, văn-hoá, chính-trị, kinh-tế giữa các nhóm thiểu số và khối đa số, nhằm giảm thiểu sự chia rẽ và kỳ thị giữa các chủng tộc khác nhau trong lãnh thổ một quốc gia bằng cách làm cho trình độ văn-minh giữa các nhóm chủng-tộc không quá chênh-lệch.

Trái lại, các sắc dân Thiểu số tại Việt-Nam là những người đã cư ngụ lâu đời tại bán đảo này, tuy ngôn-ngữ có khác biệt nhưng người ta lại cũng nhận thấy những hạ-tầng đồng nguyên về phương-diện sinh-lý cũng như phong-tục tập quán giữa các sắc dân hiện đang sinh sống trên phần lãnh thổ này. Nhiều nhà nhân chủng học đã nghiên-cứu các chủng-tộc tại Cao-Nguyên miền Nam Việt-Nam và đã đưa ra nhận xét : "Người Thượng tại Cao-nguyên không ai khác hơn là người Việt, người Kinh trong trạng-thái nguyên thủy" . Nếu đem áp dụng một chính sách Thượng-vụ tại Việt-Nam tương tự như các nước Âu-Châu nghĩa là

đồng hoá Thiểu số với Đa số thì chắc chắn thiểu dân sẽ bị cô lập khỏi guồng máy sinh-hoạt quốc gia vì sự yếu kém của họ trên mọi phương-diện trước nhóm đa số. Thật vậy, nếu không có một sự nâng đỡ đặc-biệt, nếu không có những ân-huệ đặc biệt thì người Thiểu số khó có thể cạnh tranh với khối người đa số để tham dự vào mọi sinh-hoạt quốc gia.

Từ trước đến nay những chính-sách Thượng vụ áp dụng tại Cao-nguyên miền Nam đều không đem lại một kết quả tốt đẹp vì đã được hoạch định trên nguyên-tắc Kinh Thượng bình đẳng mà không căn cứ vào khía cạnh thực-tế xã-hội của vấn đề. Hậu-quả của những chính-sách đó là sự kỳ thị giữa người Kinh và Thượng càng ngày càng gia tăng, hố sâu chia rẽ càng ngày càng khó hàn gắn và cuối cùng là sự bùng nổ của phong-trào Bajaraka và Fulro năm 1964. Thật vậy từ trước đến nay người ta đã cố gắng đồng hoá người Kinh và Thượng về mọi phương-diện nghĩa là trong khung-cảnh Pháp-lý trước đây mọi cơ-hội đều được chia sẻ đồng đều cho mọi người Kinh cũng như Thượng và người dân nào có đầy đủ điều-kiện sẽ được hưởng thụ những cơ-hội pháp định đó. Nhưng thực-tế làm sao đồng bào Thiểu số có thể cạnh tranh bình đẳng với đồng bào Kinh khi họ còn yếu kém về mọi mặt và vô hình chung chính-sách bình đẳng này đã gián tiếp đặt đồng bào Thiểu số ra ngoài lề xã-hội và sinh hoạt của quốc gia. Chính vì vậy, tại nhiều quốc gia chính-quyền đã phải giải-quyết vấn đề bằng một sự đại ngộ bình đẳng trên căn-bản bất bình đẳng, nghĩa là đồng bào Thiểu số phải được thụ hưởng một số đặc ân, hay những điều-kiện giảm miễn cần thiết để bù đắp vào những yếu kém của họ và để quân bình hoá khả năng quá cách biệt giữa nhóm đa số và nhóm thiểu-số.

Sau bao nhiêu năm tháng dò dẫm, trải qua các chế độ mai sau ngày Cách-Mạng 1-11-1963 Việt-Nam Cộng-Hoa mới định rõ một chính-sách Thượng-vụ thể hiện được quan-niệm hợp tình, hợp lý về bình đẳng cơ hội giữa đồng bào Kinh và Thượng xuyên qua bản sắc luật

033/67 ngày 29-8-1967. Sắc luật này thể hiện được hai khía cạnh của vấn-đề, nghĩa là một mặt các sắc tộc có thể bảo vệ được các sắc thái văn hoá đặc thù của mình, một mặt có thể tiến-bộ theo cùng một nhịp điệu với khối dân-tộc đa số trong công cuộc phát triển chung của quốc-gia.

Gao-nguyên Trung-phần có nhiều bộ lạc khác nhau về văn-hoá, về trình độ văn-minh và nhất là về điều-kiện dân số, từ những bộ-lạc như Gil, Lat, Maa... chỉ gồm có vài trăm người sống trong những vùng thâm sơn cùng cốc cho đến các bộ lạc Jarai, Rhadé... dân số lên tới hơn 100.000 người chiếm đóng những vị-trí thiên nhiên thuận-lợi, đã hấp thụ một phần nào nền văn-minh của dân-tộc. Công việc thực thi sắc luật 033/67 đòi hỏi nhiều khó-khăn, làm sao có thể gây được một sự bình đẳng, một mức độ hưởng thụ đồng đều giữa các bộ lạc lớn, nhỏ. Trên thực-tế chúng ta nhận thấy rằng hiện nay đa số những viên chức thực hiện chính-sách Thượng vụ đều thuộc những sắc dân của các Bộ lạc lớn như Jarai, Bahnar, Rhadé, Sédang. Có người nghi rằng, vấn đề kỳ thị đa chuyển từ phía người Kinh sang thành-phần của các sắc tộc thiểu số? Mặc dầu Hiến-pháp có quy-định một Hội-đồng Sắc tộc để tư vấn cho chính-phủ trong những công tác liên quan đến vấn đề Thượng vụ, thành-phần hội viên trong Hội đồng này cũng quy tụ gần đây đủ các bộ lạc trong khối Thiểu số. Tuy nhiên, nhìn vào thực trạng của bộ-lạc Thượng chúng ta không có quyền phán đoán rằng, những đại diện của các bộ-lạc trong Hội-đồng các Sắc-tộc đã đích thực tạo được những cơ-hội tiến-bộ cho chính bộ lạc của mình. Vấn đề đặt ra là việc huấn-luyện và sử-dụng cán-bộ trong công-tác Thượng vụ. Trong công tác Phát triển Sắc tộc sự gây dựng một nền tảng cán-bộ tại hạ tầng cơ sở của từng Bộ lạc mới thật là quan trọng và thiết yếu. Chỉ những cán-bộ này mới thực tình am hiểu những nhu-cầu, sắc thái đặc thù của từng sắc dân để mạnh dạn hướng dẫn đồng bào canh cải xã-hội, quyết tâm vượt ra khỏi tình trạng chậm tiến, lạc hậu.

Sắc luật 33/67 là một bước nhảy vọt lớn lao phù hợp với trào-lưu xã-hội, nhưng chắc chắn nó chưa là kết tinh của tình-trạng xã-hội Thượng trong hiện-trạng. Trên thực-tế, chúng ta đã nhận thấy :

- Số lượng của đồng bào thiểu số qua các sắc tộc khác nhau tại Cao-nguyên.

- Hàm chất của đồng bào Thiểu số qua các khía cạnh sinh-hoạt, phong-tục tập quán.

Trong thời gian gần đây, nhiều người lầm tưởng rằng nhu-cầu và nguyện vọng của đồng bào Thiểu số thể hiện qua các phong trào Bajaraka và Fulro. Sự thật những nhu-cầu và nguyện vọng đó chỉ đơn thuần trên những đòi hỏi của các sắc tộc, bộ lạc đang phát triển chứ chưa phải là nguyện vọng và nhu-cầu của toàn thể khối đồng bào các sắc tộc Thiểu số. Công việc cần thiết và thực tiễn là chính-quyền cũng cần phải có một sự đại ngộ sai biệt giữa các sắc tộc khác nhau.

Điều 9 của sắc luật 033/67 quy-định "Những biện-pháp nâng đỡ đồng-bào thiểu số ấn định trong sắc luật này nhằm mục-đích chính là giúp đồng bào thiểu số sớm theo kịp đà tiến-bộ chung của dân-tộc. Vì trình độ sinh-hoạt của các sắc tộc không đồng đều nên để đạt mục-đích trên các cơ quan chuyên-môn sẽ phối hợp chặt chẽ với các cơ-quan đặc trách về đồng bào Thiểu số nói ở điều 2 để nghiên cứu chương trình, kế hoạch ban-hành những biện-pháp áp dụng và ấn định thời hạn thi-hành nhất định cho thật sát với thực trạng của từng địa phương và trình độ của từng sắc tộc".

Hiện nay Hội đồng các Sắc-tộc và Bộ Phát-Triển Sắc tộc là 2 cơ quan chuyên-môn đặc trách về các vấn đề đồng bào thiểu số. Công việc điều nghiên để tìm kiếm những biện-pháp thực thi một cách trung thực điều 9, sắc luật 033/67 mới thật là quan trọng. Người ta nhận định rằng, công việc cần thiết là nên xếp loại trình độ tiến-bộ của từng sắc-tộc và ban hành những biện-pháp hữu hiệu riêng biệt để đồng bào các sắc tộc có cơ hội phát-triển đồng đều. Trong công-tác phát-triển sớm-cước, chính-phủ Trung-Hoa Dân quốc đã xác định "Các biện-pháp đặc-

biệt thi hành tại các miền sơn cước phải được dần dần hủy bỏ để đi đôi với các tiến bộ đã đạt được". Thật vậy, nếu chủ-trưởng giữ lại các biện-pháp ưu đãi mà không xác định một thời gian cần thiết, vô hình chung chúng ta đã không gây được một tình-trạng tiến-bộ sống động trong sinh-hoạt của đồng bào Thiều số.

Cao-nguyên chứa đựng một nguồn tài-nguyên vô tận. Trong khi đó nhân, vật-lực dùng để khai thác lại chẳng có bao nhiêu. Hơn nữa trong hiện trạng của lịch-sử Việt-Nam, Cao-nguyên miền Nam lại còn giữ một vị trí chiến-lược rất quan trọng. Trong thời gian gần đây, khi Nội Các Chiến-Tranh ra đời, vấn đề Hoà đồng Dân-tộc được đặt lên hàng đầu và được coi như là một quốc sách. Những nguyên-nhân ra đời của một quan-niệm dân-tộc như vậy ắt hẳn phải hàm chứa nhiều đủ-kiện quan trọng và cấp bách. Người ta có thể ghi nhận, thời gian này chính là giai đoạn sôi bồng nhất của vấn đề Thượng vụ. Lực-lượng dân sự chiến đấu người Thượng tại các trại Bandon, Euprang và Miga thuộc 2 tỉnh Quảng-Đức và Darlac đem quân về chiếm đài phát thanh Ban-mê-thuột và người Thượng tại các trại Miga, Sarpa đã đứng lên bắt trời các sĩ quan người Việt và sau đó bị đem đi tàn sát. Nhiều binh sĩ Việt-Nam bị giết chung với gia đình. Trên quốc lộ 14, người Thượng đã chặn các xe đò và giết trọn hành khách người Việt kể cả đàn bà con nít. Trong những biến cố đẫm máu này, người ta ghi nhận một vai trò rất quan trọng của các thế lực ngoại bang trong công việc thực hiện một mưu đồ phân hoá dân-tộc. Ngoài ra, Cộng sản Bắc-Việt lúc nào cũng hằng tâm sẵn sàng gây bất ổn trong tình-hình chính-trị của Việt-Nam Cộng-Hoà, Y Bih-Aleo người Thượng sắc dân Rhadé phó chủ tịch Mặt trận Giải-phóng miền Nam kiêm chủ tịch Phong-trào Tây-Nguyên Tự-Trị. Những đủ kiện đó ít ra cũng là nguyên-nhân chính để cho một đường hướng của chính-sách Hoà-đồng Dân-Tộc ra đời. Như trên, chúng ta đã có nhận xét : Cao-Nguyên đất rộng nhiều tài-nguyên, dân cư lại thưa thớt. Trong thời gian này và cả mai hậu, Cao-Nguyên vẫn là một vị trí chiến-lược rất quan trọng của Việt-Nam Cộng-Hoà. Sự thực thi

một chính sách Hoà-đồng Dân-Tộc muốn mang lại kết quả tốt đẹp và giải-quyết được những vấn đề chính trị, kinh-tế trong trường kỳ cần phải có một kế hoạch mạnh dạn để củng-cố Cao-Nguyên không như là một phần đất rừng thiêng nước độc, xa lạ với cộng-đồng dân-tộc. Sau ngày Cách-mạng 1-11-1963, dự-luận độc đoán đưa lên án chính-sách được mệnh danh là "Dân-tộc Hoá" của chính-quyền đệ Nhất Cộng-Hoà. Tuy chính sách đó đã vấp phải một vài lỗi lầm đáng tiếc, nhưng chính-sách đó cũng đã có những kế hoạch đáng để cho chúng ta suy xét và cần phải được cho thực hiện.

Việc di dân tại vùng đồng bằng miền Nam hay tại các miền duyên hải miền Trung lên Cao-nguyên để thiết lập các khu định điền hay đồn điền thời đệ I Cộng-Hoà tuy gặp nhiều chống đối, nhưng kế-hoạch này cũng đã gặt hái được nhiều thành-quả đáng kể.

Trước hết, chúng ta có thể đưa ra một nhận xét là trong hiện trạng của những vấn đề Thượng vụ. Vấn đề cải hoá nếp sinh hoạt của đồng bào Thượng thật ra đã không do một chính sách hay một kế hoạch nào giải-quyết được. Thật sự, nếu đồng bào Thượng đã đạt được những tiến-bộ trong sinh-hoạt là nhờ ở những giao tiếp thường xuyên với một lớp người có một trình độ văn-minh cao hơn. Thời kỳ Pháp thuộc, sự hiện diện đông đảo của người Pháp và các nhà truyền giáo Tây-phương tại Cao-nguyên đã là một lý-do chính để đạt đến những tiến-bộ của đồng bào thiểu số. Giáo sư Nghiêm-Thẩm đã gọi kế hoạch này là sự "thích-nghi văn-hoá" (acculturation) và ông đã nhận định "Ta có thể nói là có sự thích nghi văn hoá, khi có hai khối người thuộc các nền văn hoá khác nhau được sống chung đưng một cách trực-tiếp và vĩnh viễn. Sự đó gây ra nhiều đổi thay về hình thức văn hoá của một trong hai khối người hay có khi của cả hai khối người... Từ ít lâu nay các người Kinh lên làm việc trên Cao-nguyên mỗi ngày thêm nhiều và cũng có những đồng bào Thượng xuống làm việc ở miền Châu-Thổ. Như vậy dần dần sẽ có sự thích-nghi văn hoá. Những phong-tục tập quán tự nhiên sẽ sửa đổi dần dần để phù hợp với đời sống mới. Đó là một việc mà những người

có óc tồn bổ thường tỏ ý tiếc, nhưng sự đó không thể tránh được".

Công việc di dân lên Cao-nguyên để khai-phá khẩn hoang đã đạt được một thành-quả to lớn trên mà còn giúp miền xuôi giải-quyết được những khủng-hoảng kinh-tế triền miên, ngoài ra sự hiện diện đông đảo của dân chúng tại Cao-nguyên có thể tạo lập thành một lực lượng hữu hiệu chống lại mưu đồ xâm-lãng của Cộng-sản Bắc-Việt và những dòm ngó của các thế lực ngoại-bang. Trong công tác này, vấn đề giáo dục quần chúng phải được coi là quan trọng. Người Kinh lên lập nghiệp tại Cao-Nguyên phải triệt để tôn trọng tài sản cũng như những phong-tục tập quán của đồng bào Thiểu số. Về phía cán-bộ người Kinh phục-vụ tại Cao-nguyên phải có tinh thần phục vụ như những nhà truyền giáo, xuất phát từ lòng vị tha, bác ái, lòng thương yêu chân thật. Hoạt-động với tinh thần cởi mở, bất vụ lợi, dành cho đồng bào Thiểu số những ưu tiên, những hướng dẫn thật tình với quyết tâm mang lại cho đồng bào Thiểu số những ưu tiên, những hướng dẫn thật tình với quyết tâm mang lại cho đồng bào Thượng một đời sống tốt đẹp để sớm theo kịp đà tiến-bộ của dân tộc.

II. ĐƯỜNG HƯỚNG CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN SẮC TỘC VÀ XÂY-DỰNG CAO NGUYÊN.

Một chính sách, trên đại cương được coi là tốt đẹp lại còn đòi hỏi ở một kế hoạch thực thi đúng đắn thì mới hy vọng có thể đạt đến những kết-quả mong muốn. Sau đây chúng ta sẽ phác họa sơ lược những đường nét chính trong công tác Phát triển Sắc tộc và Xây-dựng Cao-Nguyên.

Công-tác Phát-Triển Sắc-tộc và Xây-dựng Cao-nguyên cần phải được coi là một, có tầm quan trọng ngang nhau, bổ túc lẫn nhau trên mọi địa hạt.

- Mục-tiêu của công-tác Phát-Triển Sắc-tộc là nâng cao đời sống tinh thần và vật-chất của đồng bào Thiểu số. Các biện-pháp nâng đỡ mà chính-phủ đã, đang và sẽ dành cho người Thiểu số chỉ là những

biện-pháp giúp phương-tiện cho người Thiểu-số đủ khả-năng hoạt-động. Muốn hoạt-động, người Thiểu số cần có môi trường thuận-lợi để phát-huy khả-năng và sáng kiến. Môi trường đó chính là công cuộc xây-dựng Cao-Nguyên.

- Mục-tiêu của công cuộc xây-dựng Cao-Nguyên là khai thác đúng mức các vùng đất đai màu mỡ bị bỏ hoang và biến những vùng này thành những cơ sở kỹ-nghệ Quốc-gia. Biến vùng rừng núi hoang-vu thành một nơi trù mật có khả năng đóng góp vào sự giàu mạnh và tiến-bộ của Quốc gia. Việc khai thác, phát triển tài-nguyên Cao-nguyên phần lớn phải sử-dụng đến nhân, tài, vật, lực ở địa phương và muốn cho công việc khai thác được hiệu-qua, cần phải dựa trên sự tiến triển của công tác Phát-triển Sắc-tộc và phải có sự đóng góp của ngành Phát-Triển Sắc tộc.

Tóm lại, công tác Phát-Triển Sắc tộc tạo điều-kiện dễ dàng cho công cuộc xây-dựng Cao-Nguyên và ngược lại công-tác thú hai này sẽ là môi trường thuận-lợi cho công cuộc khai hoá, mở mang dân sinh, dân trí cho đồng bào các sắc tộc thiểu số còn chậm tiến.

Nếu nhìn vào căn-bản, công tác Phát-Triển Sắc-tộc vẫn chưa được đồng đều và thành quả hầu như tùy thuộc vào sáng-kiến địa phương và cá-nhân nhiều hơn là có một kế hoạch thống nhất.

Những dự-án công-tác đề nghị sau đây nhằm bổ khuyết những thiếu sót đó và để thúc đẩy công tác Phát-Triển Sắc-tộc đem lại kết-qua mong muốn là đưa đồng bào Thiểu số tiến bộ theo một nhịp điệu chung của dân tộc.

1- Hành Chánh

Căn-bản của công-tác Phát-Triển Sắc-Tộc là xây-dựng cho đồng bào Thiểu số một đời sống tiến-bộ. Mục tiêu chính là những đồng bào sống tại các Buôn, Ấp. Trên địa hạt Hành Chánh, điều quan trọng là tạo dựng những buôn ấp định cư đông đúc, có đủ tiện-nghi công-cộng, có khả năng phát-triển kinh-tế...

Công-tác xây-dựng buôn ấp quan-yếu nhất là phải dự trù đầy đủ kế hoạch di dân, chú trọng đến phong-tục, tập quán của những người sẽ đưa về định cư. Những sắc dân cùng một phong-tục để sống hoà-harmonious trong một địa điểm, tránh được những va chạm trong sinh-hoạt hàng ngày. Kế hoạch cần trù liệu đầy đủ phương-tiện cần thiết để khi bắt đầu cuộc di dân sẽ không bị lâm vào tình trạng thiếu thốn, sự thiếu thốn sẽ khiến cho đồng bào chán nản, mất tin tưởng.

Phải tạo cho Buôn, Ấp một sinh-thái sống động. Tổ-chức bầu cử Hội Đồng xã, các Ban Trị sự Ấp. Huân-luyện các viên chức Hành chánh, Nông-Lâm-Súc, Kỹ-thuật, Y-tế... người địa phương để cung-ứng cho nhu-cầu phát-triển tại Cao-Nguyên.

Xúc tiến công tác lập thể căn cước, tổ khai gia đình, giấy tờ hộ tịch cho đồng bào Thiểu số. Công tác này ngoài lợi ích về an-ninh, kiểm tra dân số, ích-lợi cho đồng bào trong các dịch vụ Hành chánh lại sẽ còn là một phương-tiện hữu hiệu, nhắc nhở đồng bào về vai trò công-dân trong cộng-đồng quốc gia.

2- Chính-Tri

Ngành Phát-Triển Sắc-tộc cần trù-liệu những công tác tạo dựng thông cảm 2 chiều giữa Kinh và Thượng để tiến đến sự đoàn-kết bình đẳng thật sự đồng thời vận-dụng những lực lượng nhân dân địa phương vào những công cuộc phòng vệ Cao-nguyên.

Trên lãnh vực chính-trị, hiện nay có 5 tổ chức của đồng bào Thiểu số :

- Phong-trào Đoàn-kết các Sắc-tộc Thiểu số Cao-nguyên miền Nam Việt-Nam trên Cao-nguyên.
- Khối Đoàn-kết các Sắc-dân Thiểu số.
- Thượng du Bắc-Việt Tướng-Tế Hội
- Hiệp-Hội Chàm Hồi giáo.
- Hội đồng Giáo-ca Hồi giáo Chàm

Những tổ-chức trên có thể coi là những lực lượng nòng cốt cho chương-trình phát-triển dân sinh, nâng cao dân trí cho đồng bào Thiểu-

số, nếu nổi rộng được tâm hoạt-động, lấy sự đoàn-kết Quốc-gia, đoàn-kết sắc tộc làm cứu cánh và sự tiến-bộ của đồng bào Thiểu số làm mục-tiêu hoạt-động.

Công tác của ngành Phát-Triển Sắc tộc là :

- Trong phạm vi cho phép, yểm trợ cho các Phong-trào, Hiệp hội, khối kể trên.

- Hướng dẫn các tổ-chức phát-triển nổi rộng tâm hoạt-động, chú trọng đến công tác cải tiến dân sinh, dân trí cho đồng bào Thiểu số.

- Đóng vai trò cố-vấn và hoạch-định đường lối công tác cho các Tổ chức trên nhằm phục vụ đồng bào.

Về phía đồng bào Kinh, cơ quan Phát-Triển Sắc tộc cũng cầu vận-động để những đồng bào này tham gia một cách tích cực và hữu hiệu vào công cuộc nâng đỡ đồng bào Thiểu số theo kịp đà tiến bộ của dân-tộc.

- Tích cực giúp đỡ Hội Thân Hữu Kinh Thượng để hội này phát triển và thực hiện các mục tiêu.

- Vận động thành-lập Hội Bảo-Trợ Sinh-Viên Học sinh Thiểu số.

- Vận động và yểm trợ các tổ chức, hiệp hội công tư hướng vào mục-tiêu xây-dựng Cao-nguyên, nâng đỡ đồng bào Thiểu số.

3- An-Ninh Quân sự

Không ai phủ nhận được, khối đồng bào các sắc tộc thiểu số là một nguồn tài-nguyên nhân-lực rất phong-phú. Nhưng cho đến nay, trong tình trạng Tổng Động viên nhân lực mà Quốc gia vẫn chưa xử dụng đến hoặc xử-dụng một cách bán chính thức. Trước khi có lệnh Tổng động viên thì chỉ người Thượng miền Nam mới ở trong tình trạng trên, khi Luật Tổng động viên ra đời thì tất cả mọi người được gọi là thuộc thành phần Sắc-tộc đều được hoãn dịch, trong khi chỉ có sắc tộc Thượng miền Nam là cần được hoãn dịch hơn cả.

Hậu quả của sự sai lầm trên làm phí tổn nhân lực lại biểu-lộ sự thiếu tin tưởng lẫn nhau rất có hại cho tình đoàn-kết dân-tộc. Về mặt quân sự thiếu sự đóng góp của đồng bào địa phương cũng giảm đi rất nhiều

hiệu-năng của quân-lực. Về phía đồng bào thiểu số, vì hằng say với công cuộc chống Cộng, tha thiết với sự an-ninh của thôn xóm, mặt khác vì sinh kế, các thanh niên Thượng đã tình nguyện gia nhập các Lực-lượng Đặc biệt, Biệt-kích, Dân-sự chiến-đấu ngoài tầm kiểm soát của chính-quyền. Do đó, cần có những kế hoạch thực tế tránh những bất công đối với những đồng bào Sắc tộc đã và đang hy-sinh vì Tổ-quốc, để Quốc gia có thể sử-dụng hữu hiệu nguồn tài-nguyên nhân-lực vào công cuộc chống Cộng, bảo-vệ Cao-nguyên.

Những công tác cần thiết :

- Nghiên cứu lại vấn đề Hoàn dịch cho từng sắc tộc.
- Phối hợp với các cơ quan liên-hệ nghiên cứu và khuyến-khích các thanh-niên Thiểu số gia nhập các lực lượng Quân-đội, Cảnh sát. Duyệt xét lại tổ-chức Nhân dân Tự vệ để hữu hiệu việc đoàn ngũ hoá đối với đồng bào thiểu số.

- Chú trọng đào tạo các cán-bộ chỉ-huy Thiểu-số. Dành những nâng đỡ đặc biệt để thanh niên Thượng có thể theo học các khoá sĩ-quan, Hạ sĩ quan .

4- Tư-pháp

Các Toà án Phong-tục tập quán được tái-lập bởi Sắc-luật 006/65. Mục đích của việc tái lập các Toà án Phong tục này là để biểu dương sự bảo vệ và tôn trọng phong tục tập quán của đồng bào Thiểu số, nhưng mục-đích cũng là để đồng bào Thiểu số làm quen với ngành Tư-pháp.

Trong chiều hướng đó, các Toà án Phong tục cần được canh tân để vừa tôn trọng phong-tục tập quán của đồng bào vừa giúp đồng bào Thiểu số được hưởng một chế độ Tư-pháp công bình, hợp lý và lần hồi có thể tiến đến việc thực hiện một nền Tư-pháp Quốc gia thống nhất.

Những công tác cần được thực hiện :

- Đào tạo và tu-nghiệp các viên chức của Toà án Phong-tục hiện hữu.

- Nghiên cứu mở thêm các Toà án Phong-tục địa phương song song với các Toà án Sơ-Thẩm Quốc-Gia.

- Chú trọng hướng dẫn sinh viên Thiếu-số theo học ngành Luật để đào tạo các vị Luật sư, Chánh án người thiếu số tương lai.

- Sửa tầm luật-lệ bất thành văn của đồng bào Sắc-tộc, nghiên-cứu chứng-trình cải tiến các Luật Phong-tục. Soạn Bộ Luật Phong tục các Sắc-tộc Việt-Nam.

5- Văn-hoá Giáo dục.

Danh từ Phát-triển Sắc tộc tự nó đã nhấn mạnh đến vấn-đề giáo dục và phát triển văn-hoá Sắc-tộc. Vì rằng dù muốn hay không người ta vẫn phải chấp nhận là thế-hệ trẻ mới là nòng cốt, cần xây-dựng.

Trên phương diện giáo dục, điều quan trọng là :

- Thanh toán nạn mù chữ, phổ biến sâu rộng chữ Quốc ngữ.
- Giúp cho sinh viên, học sinh Thiếu số có phương tiện học hành, xây cất trường học đến từng Buôn, Ấp. Đào tạo đầy đủ giáo viên.
- Hướng dẫn sinh viên, học sinh lựa chọn các ngành học cần-thiết cho công cuộc phát-triển Cao-nguyên.

Trên địa hạt văn hoá :

- Soạn thảo các sách giáo-khoa bằng Thổ-ngữ.
- Nghiên cứu soạn thảo các loại sách về nhân chủng, tập quán Sắc-tộc.
- Sửa tầm tàng trữ, bảo vệ những di tích cổ truyền của đồng bào Thiếu số làm giàu cho nền văn-hoá dân-tộc.

Cũng như chính-trị, văn hoá giáo dục cần tạo nên sự thông-cảm hai chiều giữa Kinh và Thượng để xoá bỏ những lằn ranh ngăn cách giữa các Sắc-tộc trong cộng-đồng dân-tộc. Văn hoá giáo dục phải nắm vai trò xây-dựng sự thuận hoà dân-tộc trong hiện tại và tương lai.

6- Kinh-tế.

Trên địa hạt kinh-tế, công-tác Phát-triển Sắc-tộc gần gũi nhất với công-tác Phát-triển Cao-nguyên. Tất cả những vấn đề trợ giúp, hướng dẫn huấn-luyện đồng bào Thiếu số đều nhằm vào mục tiêu của

hai công tác vừa kể. Mục tiêu của công cuộc phát-triển kinh-tế cho đồng bào Thiểu số là tạo cho đồng bào một đời sống định cư định canh, cải thiện nghề-nghiệp để tạo dựng đời sống ấm no, hạnh-phúc.

Căn cứ vào thực trạng của đồng bào Sắc tộc và riêng đồng bào Thượng tại Các-nguyên, những công tác sau đây cần được thực hiện.

+ Canh-nông và kiến điền.

- Thực-hiện công-tác kiến điền cho đồng bào Thiểu số, lập sở địa bộ, quản thu điền địa cho các buôn ấp, xã. Gây ý thức và hướng dẫn đồng bào cách thức bảo-vệ lâm sản.

- Tùy theo từng địa phương hướng dẫn đồng bào Thiểu số cải-thiện nông-nghiệp, sử-dụng trâu bò, nông cụ, nông cơ.

- Khuyến-khích việc trồng cây ăn trái, hoa màu phụ, tùy theo thủy thổ từng địa phương.

- Thành-lập tại mỗi xã một thí điểm trồng tía. Những địa điểm này cũng là nơi hướng dẫn, cung cấp cây giống, hạt giống cho đồng bào.

+ Chăn nuôi.

- Hướng dẫn và khuyến-khích việc chăn nuôi gia súc, đào ao nuôi cá.

- Cung-cấp các giống gia-súc tốt và chỉ dẫn phương pháp truyền giống.

- Tìm thị trường tiêu-thụ nông súc, gia-súc để khuyến-khích ngành chăn nuôi.

+ Tiểu công nghệ.

- Tổ-chức các lớp dạy nghề các ngành Tiểu công nghệ. Trợ giúp phương-tiện hành nghề cho các thợ chuyên-môn.

- Khuyến-khích phát triển Tiểu công nghệ từng địa phương, hướng dẫn cải thiện nghề nghiệp thêm tinh xảo.

+ Thương mại

- Tổ chức chợ tại những vùng thuận tiện đông dân cư để đồng bào tiếp xúc buôn bán. Giúp đỡ và hướng dẫn đồng bào mở cửa hàng, cửa hiệu.

- Khuyến-khích và hướng dẫn đồng bào khai thác lâm sản để kiếm thêm lợi tức.

- Tổ chức tại mỗi Tỉnh và Thủ-đô những cửa hàng triển lãm và bán các sản-phẩm của đồng bào Thiếu số.

7- Y-tế - Xã-hội.

Một khi công-tác định cứ, xây-dựng các địa điểm, đời sống mới được thực hiện tốt đẹp, nền kinh-tế được phát-triển, đời sống đồng bào Thiếu số sung túc hơn tự nhiên những vấn-đề vệ-sinh, xã-hội không còn là một vấn đề nan giải nữa. Tuy nhiên, những vấn đề sau đây cũng cần trừ liệu kế hoạch cẩn kế tránh những va chạm đến tập quán của đồng bào.

- Nghiên cứu bành-trướng chương-trình y-tế nông thôn, mở hẳn một chiến dịch vệ sinh trên toàn vùng có đồng bào thiếu số. Chiến dịch phải uyển chuyển phù-hợp từng địa phương, tránh những công việc có thể va chạm đến phong-tục tập-quán của đồng bào.

- Đặt kế hoạch kiểm soát, hạn chế sự đi lại của đồng bào Thượng tại biên giới trong những dịp có bệnh dịch hoành hành ở các lân-bang để ngăn ngừa bệnh dịch nhập nội.

- Có kế hoạch lâu dài, bài trừ dần hồi những tập quán phản khoa học và có sự nguy-hại trầm-trọng.

- Vận-động các cơ quan, xí-nghiệp, đồn điền công, tư sử-dụng nhân công thiếu số.

- Khuyến-khích đồng bào Thiếu số dùng y phục và đồ dùng canh cải thay thế cho những phương-tiện, trang phục cổ thời.

- Vận động các Thầy Phù-Thủy, Thầy Mo, Bồi dẫu cải tiến nghi-thức trong các cuộc cúng kiến để tiết-kiệm và cùng để bài trừ dần hồi sự dị đoan mê tín.

- Khuyến-khích hoạt-động các tôn giáo, giúp đỡ xây-dựng nhà thờ, đền chùa, vận-động và giúp đỡ các tu sĩ đến phụ trách tại những vùng có điều-kiện thuận lợi để xây-dựng chánh tín cho đồng bào Thiếu số.

Song song với các công-tác trên, công việc xây cất các cơ sở y-tế, xa-hội cũng cần trù-liệu một chương trình rõ rệt ước tính nhu-cầu cho phù hợp với sự tiến triển của từng địa phương.

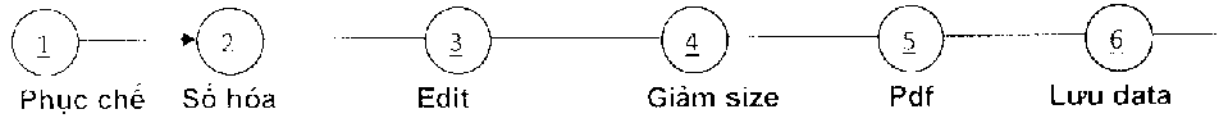
o
o) o

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- PAUL NUR, sớ-lược về chính-sách Thượng-vụ trong lịch-sử Việt-Nam.
 - NGUYỄN-TRẮC-DĨ, Hội-đồng các Sắc tộc một tân định-chế dân chủ của đệ II Cộng-Hoà Việt-Nam.
 - NGUYỄN-TRẮC-DĨ , Tìm hiểu phong-trào tranh đấu FULRO.
 - NGHIÊM-MỸ, Vấn-đề dân Thiểu-số, Quê Hương XXIX, 11-1961, 106-126.
 - NGHIÊM-THẨM, Tìm hiểu đồng bào Thượng
Quê Hương XXIV, 6-1961, 126-139
Quê Hương XXXI, 1-1962, 130-149
 - Đặc-san Cao-Nguyên, Hội Thân-Hữu Kinh-Thượng xuất-bản.
 - Nguyệt-san Thượng-Vụ, Bộ Phát-Triển Sắc-Tộc xuất-bản.
 - Nguyệt-san Học-Tập, Cơ quan lý-luận và chính-trị của Đảng Lao-Động Việt-Nam.
 - HICKEY GERALD C. , The highland people of South Vietnam: Social and Economic development" - Rand Corporation Memorandum.
 - US Information service, Montagnard of the South Vietnam highlands, Saigon Sept. 1961.
-

I. Thông tin về tài liệu

- Ký hiệu: LVHC 426 Tên tài liệu: Sơ sách Chi đả - khu - bộ Tờ - tay
 - Loại tài liệu: CA Kích thước, số trang:
 - Người giao: BQ Người, ngày nhận: Quê 03.05.13
 - Hợp đồng Kế hoạch Khác (tư nhân):
 - Yêu cầu scan
 - Bình thường Cần file Raw Khác:
- miền Bắc và
chính sách thu
đang đem tốc
miền Nam*



II. Phục chế trước số hóa:

- Kỹ thuật:
- Người thực hiện: Thời gian:

III. Kỹ thuật số hóa áp dụng

- Camera Người thực hiện: Thời gian: Kỹ thuật:
- Bookeyes Người thực hiện: Thời gian: Kỹ thuật:
- Proserv Người thực hiện: Thời gian: Kỹ thuật:
- Khác: Người thực hiện: Tân Thời gian: 7/5/13 Kỹ thuật:

IV. Xử lý sau số hóa: (tên/ thời gian)

- Edit Giảm size PDF

IV. Lưu dữ liệu/ Biên mục

- Không phục vụ Phục vụ hạn chế Phục vụ rộng rãi
- Lưu dữ liệu (tên/ ngày lưu)